MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN 5
PHẦN MỞ ĐẦU 6
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC TRUYỀN THỐNG 9
1.1. Các hình thức sân khấu dân gian Việt Nam 9
1.1.1 Chèo 9
1.1.2 Tuồng 10
1.1.3 Múa rối nước 11
1.1.4 Một số loại hình khác 12
1.2. Nghệ thuật múa rối 13
1.2.1. Khái quát chung về nghệ thuật múa rối 13
1.2.2. Các loại hình múa rối ở Việt Nam và trên thế giới 14
1.3. Nghệ thuật múa rối nước truyền thống ở Việt Nam 16
1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển 16
1.3.1.1. Tên gọi và nguồn gốc 16
1.3.1.2. Một số vị thần bảo hộ của múa rối nước ở các phường rối 18
1.3.3. Đặc điểm của nghệ thuật múa rối nước 19
1.3.3.1. Con rối 19
1.3.3.2. Nghệ thuật tạo hình 21
1.3.3.3. Sân khấu 23
1.3.3.4. Nghệ thuật âm nhạc và văn học 24
1.3.3.5. Nghệ nhân múa rối nước 25
1.3.3.6. Cách biểu diễn 25
1.3.4. Giá trị văn hóa nghệ thuật của múa rối nước 26
1.4 Tiểu kết chương 1 29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC TẠI LÀNG NHÂN MỤC, XÃ NHÂN HÒA,HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH 30
2.1 Giới thiệu đôi nét về Vĩnh Bảo, Hải Phòng 30

2.1.1. Điều kiện tự nhiên 30
2.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội 30
2.2.3. Tài nguyên du lịch 31
2.2.3.2. Lễ hội 33
2.2.3.3. Một số loại hình nghệ thuật dân gian 34
2.2.3.4. Làng nghề truyền thống 34
2.2. Nghệ thuật múa rối nước tại làng nhân mục, xã Nhân Mục, Vĩnh Bảo Hải Phòng 35
2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển 35
2.2.2. Đặc trưng của nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục 37
2.2.2.1 Nét độc đáo của nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục 37
2.2.2.2. So sánh đặc điểm nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục với các làng vùng lân cận 40
2.3. Thực trạng công tác bảo tồn và khai thác cho phát triển du lịch 45
2.3.1 Thực trạng công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước 45
2.3.1.1. Khái quát về công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước tại ở Việt Nam 45
2.3.1.2. Công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục 49
2.3.2. Thực trạng khai thác cho phát triển du lịch 51
2.3.2.1. Khái quát về thực trạng khai thác cho phát triển du lịch ở Việt Nam ... 51
1.3.2.1. Thực trạng khai thác cho phát triển du lịch tại làng Nhân Mục 53
2.4. Đánh giá về công tác bảo tồn, khai thác nghệ thuật múa rối nước cho phát triển du lịch tại làng Nhân Mục 55
2.4.1. Thuận lợi - tích cực 55
2.4.2. Khó khăn – hạn chế 56
2.5. Tiểu kết chương 2 59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC TẠI LÀNG NHÂN MỤC, XÃ NHÂN HÒA, HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH 60

3.1. Định hướng công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước ở Việt Nam 60
3.1.1. Định hướng công tác bảo cho tồn nghệ thuật múa rối nước 60
3.1.2. Định hướng công tác khai thác nghệ thuật múa rối nước cho phát triển du lịch 62
3.2. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục cho phát triển du lịch 65
3.2.1. Chính sách quan tâm, đãi ngộ đối với nghệ nhân 65
3.2.2. Chú trọng công tác truyền dạy nghệ thuật múa rối nước 65
3.2.3. Hình thành tổ chức hội chuyên ngành múa rối nước 66
3.2.4. Xây dựng những tiết mục biểu diễn hoàn toàn mới 68
3.2.5. Công tác xúc tiến quảng bá về muá rối nước 69
3.2.6. Lồng ghép các buổi biểu diễn múa rối nước trong các chương trình du lịch 70
3.2.7. Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ biểu diễn và CSHT, CSVCKT cho phát triển du lịch 71
3.2.8. Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên phục vụ du lịch 72
3.3. Một số kiến nghị 73
3.3.1. Đối với Sở VH TT & DL Hải Phòng 73
3.3.2. Đối với Phòng VHTT & DL huyện và UBND xã Nhân Mục 75
3.4. Tiểu kết chương 3 76
KẾT LUẬN 77
TÀI LIỆU THAM KHẢO 78
PHỤ LỤC 79
MỘT SỐ HÌNH ẢNH 80

DANH MỤC VIẾT TẮT

1. CSHT : Cơ sở hạ tầng
2. CSVCKT: Cơ sở vật cất kỹ thuật
3. UBND: ủy ban nhân dân
4. VHTT & DL: văn hóa thể thao và diu lịch
5. NSND: Nghệ sĩ nhân dân
6. TNHH: trách nhiệm hữu hạn

LỜI CẢM ƠN

Vậy là 4 năm đã trôi qua, mái trường Đại học Dân Lập Hải Phòng thân thương cho em nhiều kỷ niệm sâu sắc mà em không thể nào quên.

Ngày ngày đến lớp, chúng em không chỉ được sống trong môi trường học tập chuyên nghiệp, thu được những kiến thức bổ ích làm hành trang trên đường đời sau này mà còn được sống trong tình yêu thương, sự quan tâm, chia sẻ của bạn bè và thầy cô.

Đối với sinh viên năm cuối như chúng em, được làm khóa luận tốt nghiệp là một niềm vui, niềm hạnh phúc vô cùng lớn lao và tự hào.

Để bài khóa luận được hoàn thành và có kết quả tốt như ngày hôm nay em xin gửi lời tri ân và lời cảm ơn sâu sắc nhất tới:

Thầy hiệu trưởng Trần Hữu Nghị.

Ban giám hiệu nhà trường cùng các thầy cô giáo bộ môn ngành Văn hóa du lịch đã tận tình chỉ bảo, dạy dỗ, truyền đạt kiến thức cho chúng em nên người.

Và em xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến cô gáo CN. Nguyễn Thị Phương Thảo, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình em làm bài khóa luận này

Bên cạnh đó, em cũng vô cùng biết ơn gia đình đã động viên, ủng hộ em khi lựa chọn mái trường Dân Lập Hải Phòng là ngôi nhà thứ hai của mình.

Do kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều sai sót, vì vậy em mong nhận được sự góp ý kiến của các thầy, cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Sinh viên

Đoàn Thị Diệu

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội mức sống của người dân cũng được nâng cao, nhu cầu vật chất ngày càng hoàn thiện, và con người được thỏa mãn nhu cầu về tinh thần cao hơn, vì vậy nhu cầu đi du lịch đang là một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống mỗi người - du lịch gắn liền với việc vui chơi giải trí, thư giãn nhằm phục hồi sức khỏe, phục vụ nghiên cứu, học tập... Sản phẩm du lịch là sự sáng tạo được xây dựng bởi tiềm năng trí tuệ và sự năng động, nhạy bén của mỗi địa phương trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước mà phát hiện ra những lợi thế của địa phương mình. Từ đó tạo ra những sản phẩm hết sức độc đáo có giá trị kinh tế và văn hóa cao.

Vĩnh Bảo được biết đến với rất nhiều di tích lịch sử văn hóa như khu di tích Đền Trạng, thờ Trình Quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm - vị trạng nguyên lỗi lạc, một danh nhân văn hóa lớn của đất nước; cụm đền chùa Thái Bình; đình Nhân Mục; miếu Cựu Điện… Đây là những công trình kiến trúc xưa kia nhưng để lại nhiều giá trị to lớn cho con cháu đời sau. Ngoài ra Vĩnh Bảo còn được biết đến với làng nghề tạc tượng làng Bảo Hà (xã Đồng Minh) với những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu cho phong cách tạc tượng Việt Nam. Bên cạnh đó, một loại hình nghệ thuật đã có từ rất lâu đời nhưng đến nay vẫn còn tồn tại và được giữ gìn ở làng Nhân Mục,xã Nhân Hòa, huyệnVĩnh Bảo - vùng quê đồng bằng châu thổ, đó chính là nghệ thuật múa rối nước - loại hình nghệ thuật đặc sắc của văn hóa lúa nước. Cùng với tuồng, chèo, múa rối nước được coi là môn nghệ thuật có vị trí cao trong nghệ thuật sân khấu dân tộc. Nói đến múa rối thì hầu như dân tộc nào cũng có như: Rối bóng ở Bali, Indonesia; Bunraku, Nhật Bản; Rối dây, Trung Quốc; Rối đen, Mỹ nhưng múa rối nước thì chỉ có duy nhất ở Việt Nam. Tinh hoa của nghệ thuật múa rối nước ngày càng nhận được nhiều sự ngưỡng mộ của bạn bè quốc tế, trở thành một sản phẩm nghệ thuật độc đáo của Việt Nam. Nghệ thuật múa rối nước là một loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống lâu đời của cư dân nông nghiệp vùng châu thổ sông Hồng.

Có thể nói múa rối nước nói chung và múa rối ở làng Nhân Mục nói riêng là một loại hình nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn nếu biết bảo tồn và khai thác sẽ có giá trị rất lớn để thu hút khách du lịch và phát triển. Hiện nay công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối này đã bước đầu được quan tâm. Tuy nhiên loại hình nghệ thuật truyền thống này vẫn chưa được phổ biến rộng rãi, còn ít người biết đến và đang đứng trước nguy cơ bị lãng quên, mai một cũng như chưa được khai thác thực sự hiệu quả cho hoạt động phát triển du lịch. Chính vì vậy, tác giả đã chọn đề tài: "Giải pháp bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước truyền thống tại làng Nhân Mục, xã Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng cho phát triển du lịch" với mong muốn đề xuất một số giải pháp để bảo tồn, lưu giữ và khai thác nghệ thuật múa rối nước truyền thống tại làng Nhân Mục cho phát triển du lịch. Hơn nữa việc gắn kết và khai thác hiệu quả nghệ thuật rối nước trong phường rối sẽ góp phần rất lớn trong công tác bảo tồn loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo này.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài

Mục tiêu của đề tài là đề xuất giải pháp bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước truyền thống tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng cho phát triển du lịch.

Căn cứ vào mục tiêu đặt ra, khóa luận tiến hành giải quyết những nhiệm vụ:

- Tổng quan về nghệ thuật múa rối nước truyền thống.
- Khảo sát, phân tích thực trạng công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng cho phát triển du lịch, so sánh đặc điểm nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục với các làng/ vùng lân cận (phường rối nước làng Nguyễn,Thái Bình).
- Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa cho phát triển du lịch.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước truyền thống tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng cho phát trển du lịch.

Phạm vi nghiên cứu: Khóa luận tập trung nghiên cứu tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Ngoài ra trong bài khóa luận cũng có so sánh nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục với nghệ thuật múa rối cạn tại làng Bảo Hà, xã Đồng Minh và nghệ thuật múa rối nước tại làng Nguyễn, Thái Bình.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp thu thập và xử lí tài liệu: Đây là phương pháp chủ yếu trong quá trình làm khóa luận. Tác giả có tham khảo thông tin trong các giáo trình, các đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu chuyên đề, các tạp chí chuyên ngành cùng nguồn tài liệu có được tại các phòng ban về du lịch, trên internet.

Phương pháp thực địa: Tác giả đã dành thời gian trong quá trình làm khóa luận, đi tới làng Nhân Mục, tìm hiểu về nghệ thuật múa rối nước của làng.

Phương pháp phỏng vấn: Khi thực hiện đề tài, tác giả đã tìm tới Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch huyện Vĩnh Bảo, cũng như xã Nhân Hòa, phỏng vấn chính quyền địa phương, người dân địa phương cùng những người tham gia vào công tác tổ chức múa rối nước để tìm hiểu.

5. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về nghệ thuật múa rối nước truyền thống

Chương 2: Thực trạng bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng cho phát triển du lịch

Chương 3: Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa cho phát triển du lịch.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC TRUYỀN THỐNG

1.1. Các hình thức sân khấu dân gian Việt Nam

1.1.1 Chèo

Cái nôi của sân khấu chèo là đồng bằng Bắc Bộ, địa bàn phổ biến là từ Nghệ Tĩnh trở ra. Khởi đầu chèo bằng hình thức trò nhại, trò diễn xướng dân gian từ thế kỷ 11. Lúc đầu xuất hiện ở các làng quê, dần trở thành một loại hình sân khấu tiêu biểu của người dân đồng bằng Bắc Bộ. Nghệ thuật chèo bao gồm múa, hát, âm nhạc và văn học trong tích trò. Văn chèo đậm màu sắc trữ tình của ca dao, tục ngữ, tràn đầy tính lạc quan trong những cái cười dân dã, thông minh, hóm hỉnh và không kém phần trí tuệ. Tính nhân văn trong các vở chèo rất rõ nét. Quyền con người, thiện thắng ác luôn được đề cập, được khẳng định. Các vở chèo cổ bao giờ cũng kết thúc có hậu theo truyền thống phương Đông. Nhiều vở được xếp vào vốn quý của sân khấu cổ truyền dân tộc. Từ khi ra đời đến nay, tiếng trống chèo vẫn có ma lực cuốn hút bao thế hệ khán giả, không kể tuổi tác, địa vị xã hội hay hay quốc tịch. Nhưng có giai đoạn sân khấu chèo đã trải qua những khó khăn tưởng chừng không đứng vững nổi. Giờ đây, sân khấu chèo đang được khôi phục nhằm giữ gìn và bảo tồn một loại hình nghệ thuật đậm đà bản sắc dân tộc. Đã có một thời, hội chèo đôi khi kéo dài cả tuần lễ, mặc dầu còn lâu mới đến hội nhưng trong mỗi gia đình nông dân đều đã có sự chuẩn bị tham gia kỳ hội với những vai chèo yêu thích. Đã từ lâu, nghệ thuật chèo đối với người nông dân Việt Nam vừa là sân khấu, vừa là thơ ca và âm nhạc và là nguồn duy nhất trong đời sống tinh thần của mình. Trong các vở chèo cổ thường vạch mặt bọn quan lại phong kiến và thực dân áp bức giống nòi. Ở các vỡ diễn, người nông dân thấy được sự phản ánh đời sống của mình với những mặt tích cực và phản diện, những ước mơ và ý niệm của mình về cái thiện và cái ác. Mọi người đã yêu và càng yêu nghệ thuật chèo bởi tính nhân đạo và sự tươi mát của nó, và bởi nó mang màu sắc dân tộc độc đáo. Những vở chèo - đó là các mẩu chuyện sân khấu của những tiểu thuyết thi ca, nó đặc trưng bởi chất thơ mộng, hành văn nhuần nhuyễn, nó có những truyền thống lâu đời của thi ca phương Đông.

Ngoài việc chèo là một nghệ thuật được nảy sinh từ quần chúng nông dân, nó còn được sử dụng rất nhiều tục ngữ và ca dao dân gian do nhân dân sáng tạo ra qua hàng ngàn năm. Nghệ thuật cơ bản trong các vai của diễn viên là múa mà qua đó nó có thể hiện được tất cả sự uyển chuyển nhịp nhàng của con người. Những nghệ nhân lớp trước thường nói rằng: "Múa hình tượng đẹp đẽ của nội tâm". Song song với cái đó, điệu múa trong chèo không hoàn toàn mang tính trừu tượng và tượng trưng, ước lệ như một số loại hình nghệ thuật thông thường khác bởi một lẽ nguồn gốc của nó là những hình ảnh sinh hoạt, lao động qua các buổi diễn ở nông thôn. Một vai trò quan trọng trong chèo là âm nhạc. Ở Việt Nam người ta thường nói "đừng diễn chèo" mà phải là "hát chèo". Âm điệu trong nghệ thuật chèo ngày càng hấp dẫn, nó có cả màu sắc âm nhạc dân tộc và hiện đại độc đáo.

Nghệ thuật chèo ngày nay vẫn được nhân dân ưa thích. Trong chèo mỗi người Việt Nam đều thấy được sự phản ảnh của những giá trị đạo đức cao quý như: lòng dũng cảm, sự hy sinh quên mình, sự trung thành, sự từ thiện. Do vậy, ở các vở chèo cổ, nội dung của nó ta tưởng như khác xa thực tế ngày hôm nay; vậy mà nó vẫn làm xúc động lòng khán giả của nhiều thế hệ già cũng như trẻ. Điều đó nói lên tính tươi trẻ và sức sống của nghệ thuật chèo, đồng thời cũng đặt ra trước nghệ thuật chèo những vấn đề mới phức tạp.

1.1.2 Tuồng

Tuồng là một loại hình nghệ thuật sân khấu mang tính cổ điển khá độc đáo của Việt Nam. Ngôn ngữ của tuồng là văn chương bác học kết hợp nhuần nhuyễn văn chữ Hán với văn Nôm. Theo một số tư liệu thì tuồng ảnh hưởng của hí khúc (Trung Quốc) do quân lính nhà Nguyên bị giữ làm tù binh dưới thời nhà Trần (thế kỷ XIII) biểu diễn. Nhưng tuồng Việt Nam có nét riêng của nó. Lúc đầu, tuồng chỉ xuất hiện ở miền Bắc, sau đó theo binh lính chúa Nguyễn vào Đàng Trong và phát triển cực thịnh ở đó. Tuồng phát triển mạnh vào thế kỷ XVII -XVIII. Sang triều Nguyễn (thế kỷ XIX) tuồng vẫn giữ vị trí xứng đáng trong đời sống văn hoá ở cung đình và trong dân dã. Kho tàng các vở diễn tuồng cổ ước có đến vài trăm nhưng lâu dần bị thất lạc phần lớn, trong đó có thể kể vài

vở đặc trưng như Sơn Hậu, Tam nữ đồ vương, Đào Phi Phụng, Trưng nữ vương... Tuồng đã trở thành vốn quý của sân khấu truyền thống và mãi mãi là viên ngọc trong kho tàng văn hoá của dân tộc. Nguồn gốc và lịch sử phát triển của nghệ thuật tuồng, cũng như của nghệ thuật sân khấu cổ đại Việt Nam nói chung hiện nay vẫn còn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu lâu dài. Vẫn còn rất nhiều ý kiến tranh luận khác nhau về thời điểm ra đời của loại hình nghệ thuật sân khấu này. Nhà nghiên cứu Hồ Lãng cho rằng tuồng chỉ có thể có từ thế kỷ thứ XVIII (trong bài "Để tìm hiểu về lịch sử tuồng" đăng trong tạp chí "Nghiên cứu văn học" số 1 năm 1971). Nhà nghiên cứu Văn Tân thì lại định nghĩ chữ "tuồng" trong "Từ điển tiếng Việt" như sau: "nghệ thuật sân khấu cổ của Trung Quốc, truyền vào Việt Nam". Giáo sư Phan Huy Lê có quan điểm: "Về nghệ thuật sân khấu thì thế kỷ XV, tuồng và chèo khá phát triển. Vấn đề nguồn gốc của tuồng và chèo lâu nay vẫn có nhiều kiến giải khác nhau, nhưng theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu văn học nghệ thuật gần đây thì tuồng và chèo là những nghệ thuật cổ truyền của dân tộc xuất hiện từ rất sớm. Tuồng và chèo là những nghệ thuật sân khấu kết hợp ca kịch với vũ đạo, mang nhiều bản sắc dân tộc.

Trong buổi đầu thời Lê sơ hát tuồng vẫn được biểu diễn trong cung đình, không những để mua vui cho vua quan trong những buổi yến tiệc hội hè, mà còn dùng cả trong những buổi tế lễ, thiết triều nữa" . Còn Hoàng Châu Ký trong cuốn sách "Sơ khảo lịch sử nghệ thuật Tuồng" của mình, trang 50 đã bác bỏ ý kiến Tuồng xuất hiện vào thời Lê sơ do tác giả nhận thấy "Nếu chỉ dựa vào những điểm như phong cách tự sự, loại sân khấu có hát và múa, thậm chí dựa vào các chi tiết hơn một chút như hát có ngâm thơ, phú, hoặc hát có vãn via, múa sử dụng cả tay, chân như tuồng hiện nay mà nói là tuồng thì chưa thực sự xác đáng, vì những đặc điểm này không chỉ tuồng mới có".

1.1.3 Múa rối nước

Múa rối nước ra đời sớm nhất trong số nghệ thuật dân gian của dân tộc, nhưng là nghệ thuật xuất hiện muộn trong số các nghệ thuật truyền thống hôm nay. Ở sân khấu tuồng, chèo, cải lương, dân ca kịch, kịch nới, xiếc, ca

múa…những con người thật dùng cơ thể, hành động, lời nói, tình cảm…của mình đem ra biểu diễn, thì ở múa rối nước đây chỉ những pho tượng gỗ nhỏ bé, sơ sài. Tuy nhiên các tượng gỗ mộc mạc ấy trong bàn tay điều khiển của nghệ nhân, kết hợp với khung cảnh mỹ thuật sân khấu với thủy đình, trở nên có tâm hồn, tình cảm. Đặc biệt hơn nữa là sự cảm thụ nghệ thuật này ở khán giả nảy sinh và phát triển trong quá trình thưởng thức và nhận thức diễn ra một cách tự nhiên, dễ dàng, dung dị, thoải mái, có tác dụng như được tiếp thu một hình thức giải trí nhẹ nhàng mà sâu lắng, khó quên.

Múa rối nước là một sáng tạo độc đáo của cư dân vùng châu thổ sông Hồng, được manh nha từ công cuộc chế ngự, cải tạo nước. Rối nước thường được diễn vào những ngày nông nhàn, ngày xuân, trong các lễ hội. Thông qua các câu chuyện được nghệ sỹ rối nước thể hiện, người xem sẽ cảm nhận được sắc thái của hội làng, gửi gắm vào đó những mơ ước bình dị cho cuộc sống. Giữa thiên nhiên thơ mộng, khán giả có cơ hội chiêm ngưỡng một loại hình nghệ thuật trong đó có đất, nước, cây xanh, mây, gió, có lửa, có khói mờ vương tỏa, có cả mái đình với những hàng ngói đỏ. Thật sự là một sự hòa hợp độc đáo của nghệ thuật, thiên nhiên và con người. Trước khi chính thức trở thành nghệ thuật sân khấu, múa rối nước là hoạt động nằm trong các phường hội dân gian rải rác khắp thôn xóm, được "nuôi lớn" bằng nhiệt huyết của người dân. Ngâm bùn lội nước để làm nghệ thuật không phải là một công việc bình thường thích thú với mọi người. Nếu không phải là người sống ân tình với nước như cư dân trồng lúa nước, thì khó có được sự truyền cảm nồng nhiệt vào hành động của nhân vật rối nước.

1.1.4 Một số loại hình khác

Cải lương là loại hình kịch hát có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam, hình thành trên cơ sở dân ca miền đồng bằng sông Cửu Long và nhạc tế lễ. Nghệ thuật sân khấu cải lương là một hiện tượng văn hóa, sự hình thành và phát triển của nó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan nhất định. Cải lương là một hình thức ca kịch dân tộc nên ít nhiều mang tính chất ước lệ. Ca ra bộ là buổi sơ khai của sân khấu cải lương, xuất phát từ ca ra bộ mà các động tác múa

cơ bản, trình thức ra đời. Lúc đầu do đáp ứng nhu cầu của người xem người diễn viên đã biết tìm tòi sáng tạo thêm các động tác ngoại bộ để minh họa cho lờ ca thêm phong phú. Về sau các động tác ngoại bộ đó đã được các nghệ sĩ đúc kết và nâng cao trên cơ sở kế thừa tinh hoa của nghệ thuật hát bội. Khi hìh thàn sân khấu cải lương, những vở tuồng đầu tiên cũng chịu ảnh hưởng của hát bội về mặt cấu trúc kịch bản. Tính ước lệ trong cải lương phụ thuộc vào ngôn ngữ kịch bản, tiết tấu âm nhạc và múa – qua các động tác cách điệu với phương pháp vô hiện vật, bằng sự tưởng tượng và những động tác cách điệu bằng dáng người, điệu đi kiểu đứng có kết hợp với diễn xuất để nhấn mạnh đặc điểm của bộ môn. Võ thuật cũng được các nghệ sĩ nâng cao và đưa lên sân khấu trong những đoạn đánh nhau. Tính ước lệ còn được thể hiện trong cách hóa trang, có kế thừa của hát bội nhưng được biết tiết chế bớt cách điệu để gần gũi với cuộc sống hơn.

Kịch dân ca là loại hình sân khấu mới xuất hiện ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8, dựa trên nền tảng âm nhạc là các làn điệu dân ca ở địa phương, ví dụ như kịch dân ca Bài chòi, kịch dân ca Huế, kịch dân ca Nghệ Tĩnh... Đây là loại hình nghệ thuật mới, tương tự như tuồng, chèo và cải lương.

1.2. Nghệ thuật múa rối

1.2.1. Khái quát chung về nghệ thuật múa rối

Một số nhận định cơ bản về nghệ thuật rối:

- Bắt nguồn từ những trò chơi ngẫu nhiên, tự phát đến có chủ định, truyền cảm.
- Con rối là nhân vật chính, nhưng phụ thuộc sự phối hợp giữa nghệ thuật điêu khắc, kỹ thuật lắp ráp, bài trí sân khấu và nghệ thuật điều khiển con rối.
- Có khả năng tập trung, quy tụ nhiều loại hình nghệ thuật (điêu khắc, hội họa, chèo, tuồng…)
- Phụ thuộc vào tài điều khiển của diễn viên điều khiển con rối.

Theo như Tô Sanh: Múa rối là loại hình nghệ thuật sân khấu có khả năng truyền cảm một cách cao độ; sự phối hợp giữa kỹ thuật và nghệ thuật tạo hình, kỹ thuật và điều khiển, con rối là phương tiện chủ yếu. Nó có khả năng tập trung

nhiều hình thức nghệ thuật sân khấu khác; phục vụ mọi tầng lớp múa rối có rất nhiều loại. Nhân vật rối là trung tâm. Người diễn viên điều khiển được che giấu kín. Sân khấu cần phù hợp với kích thước của cả người và rối. Múa rối chủ yếu dùng tài năng của người diễn viên điều khiển con rối.[6, Tr.32]

1.2.2. *Các loại hình múa rối ở Việt Nam và trên thế giới*

Theo P.L Mi-nhon (Mignon) trong cuốn *Bách khoa phổ thông*, từ Ma-ri-on-net Marionnette – múa rối) là một từ giảm nhẹ của (Mariole) thời trung cổ dung để chỉ những bức tượng Đức Mẹ đồng trinh nhỏ. Người ta không thấy từ này trong ngôn ngữ khác, từ pupe trong tiếng Đức và Puppet (pupe) trong tiến anh được dùng để gọi con rối, vì về ngoại hình con rối giống con pupe. Múa rối bao gồm:

Múa rối cạn

Rối tay ít dùng trên sân khấu, còn gặp nhiều trong trò nghi lễ chùa chiền. Rối tay thường được chế tạo đầu bằng gỗ, mình khâu vải (không tay), khi điều khiển nghệ nhân lồng bàn tay vào trong lòng khoét rỗng của đầu hoặc cầm một đoạn cán nối dài. Loại hình này xuất hiện ở nhiều quốc gia như: loại ghi-nhôn (guinol) và bu-ra-ti-ri (burattini) của Pháp.

Rối que rất phổ biến, nhỏ cỡ 30-35 cm. Đầu tạc liền với mình bằng gỗ, gồm cả tóc, tai, khăn, mũ, bàn tay bằng gỗ gọt liền cổ tay. Điều khiển bằng que tre, que sắt cắm vào mình và cổ tay luồn trong áo. Không có chân, cần tạc thêm đính ngoài. Cũng có nơi, có quân tạo hình cỡ lớn, kiểu hình nhân, đầu mình đang bằng nan dùng diễn thờ, xong đem đốt. Đặc biệt đồng bào Bana tạc hình nhân khá lớn bằng gỗ dùng trong lễ bỏ mả và sau lễ bỏ lại trong nhà mồ. Trên sân khấu, nhiều quân thì dùng thêm dây mềm điều khiển bộ phận chi tiết phối hợp với que. Loại hình này rất thông thường ở các nước như: Oa-yănggô-lách (wayanggolek) của Indoneisa. Trong nước ta cũng có nhiều mục bằng rối que rất hay như đoàn nghệ thuật múa rối TP Hồ Chí Minh, đoàn nghệ thuật múa rối Hải Phòng.

Rối máy rất thông dụng cả trong đồ chơi, trò chơi và sân khấu. Toàn thân được tạc bằng gỗ riêng từng bộ phận, nối với nhau bằng khớp lỏng. Thường

dùng sơn vẽ mầu thay trang phục vải. Điều khiển bằng que, dây. Nhiều quân là trò riêng. Dùng xen với rối tay, rối que. Chuyên dùng trong rối nước, đồ chơi trẻ em, rối diều, rối gió, rối pháo.

Rối điều khiển ngang: loại bunraku (Nhật) mỗi con rối rất to, từ 8 tấc đến 1 thước ba bề cao, do ở điều khiển: 1 người lo về động tác của cái đầu (kể cả mắt và miệng) và tay mắt, 1 người lo tay trái, và người thứ ba lo điều khiển hai chân.

Rối dây chỉ thấy xuất hiện ở vùng biên giới Cao Bằng với tên Mộc thầu hí, Slương pất lạp. đầu rối bằng gỗ, mình nan đan, bàn tay gỗ, bàn máy điều khiển bằng tre, dây tơ, dây gai mềm, không có chân. Rối dùng để diễn trò và tích trò. Sân khấu thường dựng trên chòi làm sẵn ở các chợ, sòng bạc, … Rối dây hiện có ở Hợp Dương, Trung Quốc, đã ra đời cách đây hơn 2000 năm; hay loại Fan-tô-chi-ni (fantocini), Ca-tha-ta-li (Kathaputali) của Rajassthan (một tiểu bang của Ấn Độ).

Rối bóng mới phát hiện, xưa có ở tỉnh Kiên giang, có thể từ Campuchia truyền sang. Loại hình này cũng rất được phổ biến, nhất là ở các nước Đông Nam Á như Nang-shek ở Campuchia và Wa-yang-ku-lit ở Indonesia hay Mã Lai.

Múa rối nước

Nghệ thuật múa rối nước ra đời và kết tinh từ sự tìm tòi, sáng tạo và liên tưởng của cha ông ta trước cuộc sống bình dị, gắn liền với nghề nông nghiệp trồng lúa nước ở đồng bằng Bắc Bộ. So với múa rối thông thường, múa rối nước mang nhiều đặc điểm khác như: dùng mặt nước làm sân khấu, buồng rối nước hay còn gọi là thủy đình với cấu trúc cân đối, tượng trưng cho mái đình của vùng nông thôn Việt Nam là sân khấu biểu diễn trò rối nước. Thông qua những tiết mục múa rối, khán giả sẽ được dẫn dắt vào một thế giới tưởng tượng phong phú. Những chú rối rực rỡ sắc màu, nét mặt vui tươi, trình diễn những động tác linh hoạt trên mặt nước, kết hợp với yếu tố âm thanh đặc sắc đã làm nên một nghệ thuật múa rối độc đáo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, trở thành một nét sinh

hoạt văn hóa không thể thiếu đối với người dân trong các dịp lễ hội từ đời này sang đời khác.

Theo Tô Sanh: Múa rối nước là một loại hình nghệ thuật sân khấu múa rối, mà chỗ diễn con rối là mặt nước (ao, hồ hay bể rộng). Buồng trò của người biểu diễn là một cái nhà được cất giữa ao, hồ hoặc sát một mé hồ. Người điều khiển ngâm mình dưới nước, nấp sau tấm mành điều khiển con rối (thông thường được làm bằng gỗ hoặc chất liệu không thấm nước) bằng cách khua sào có dính con rối ở dây và đầu sào. Nước che kín các loại que, dây, máy. Có nhiều loại rối nước: rối ao, rối bể, rối nước kết hợp với rối cạn v.v… Sân khấu hoặc nhà hát cố định của múa rối nước truyền thống là hệ thống nhà hai tầng tám mái xây bằng gạch, có từ lâu đời. Múa rối nước là một bộ môn nghệ thuật kỳ lạ chỉ thấy ở Việt Nam.[6, Tr.37]

1.3. Nghệ thuật múa rối nước truyền thống ở Việt Nam

1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển

1.3.1.1. Tên gọi và nguồn gốc

Theo Tô Sanh (người đã tận tụy nghiên cứu về rối nước Việt Nam hơn hai mươi năm) cũng tìm kiếm những bản ghi chép về "văn bia" mặc dù Trường Viễn Đông bác cổ cũng như các nhà khảo cổ Nhật Bản đều cho rằng bia đã mòn "không còn đọc rõ chữ". Nhưng Tô Sanh đã tìm đến núi Đọi và đã xách từng thùng nước từ chân núi lên đến chùa Long Sơn để rửa tấm bia: khi sạch những màng rêu phủ, còn lấy kim băng cậy từng chữ cho sạch những cát bụi đã đóng vào đấy từ mấy thế kỷ, để nhờ cụ Tuấn, một người giỏi chữ Nho của làng Đọi đọc qua, rồi cho chụp ảnh bia. Trên văn bia có viết "ở giữa sông (sông Lô), một con rùa vàng nổi, lưng đội ba hòn núi. Rùa lôi rờ rợ trên mặt nước, lộ vân trên vỏ và rẽ bốn chân chuyển, mắt nhìn lên bờ, miệng thì phun nước lêu bêu. Quay đầu hướng tới ngai vua, mà cúi đầu chào" hay "các nàng tiên hoa tay mềm mại múa điệu hội phong - nhíu đôi lông mài biếc, mà hát bài ca hưu văn". Như thế, múa rối nước, dưới thời đời nhà Lý đã tinh vi đến đỗi có thể đem diễn cho vua xem , đáng ghi lại vào văn bia và ông cũng khẳng định múa rối nước ra đời năm 1121.

Các thư tịch cổ khẳng định rằng múa rối nước rất thịnh hành trong cung đình thế kỷ 11 vì trên bia đá có viết: "sau khi thể nghiệm lâu đời, thấy cái đó rất hay nên mới dâng cho nhà vua xem ở tại sông Lô". Đã thể nghiệm lâu đời thì múa rối nước có thể có trước thế kỷ 11, 12. Các văn bản này cho thấy múa rối đã tồn tại trước đó ở các làng quê, nơi ngời ta đã biểu diễn trước tiên. Cầu nguyện thần thánh phù hộ cho mùa màng tươi tốt là hính thức tín ngưỡng đầu tiên trong các lễ hội nông nghiệp ở các vùng trồng lúa vì kết quả lao động của người nông dân phụ thuộc vào mùa mưa. Các làng vẫn duy trì được hầu hết những hình thức độc đáo của các nghi lễ rước nước với các đồ vật và hoạt đọng có liên quan đến nước bao gồm: các bước chuẩn bị (tắm tượng thần Phật, lau dọn chùa) và các nghi lễ (như cầu mưa, phóng sinh vật sống dưới nước về môi trường tự nhiên và các trò chơi dưới nước như thi bơi, múa rối nước).

Có thể nói múa rối nước xuất phát từ vùng nông thôn của châu thổ sông Hồng, nơi đã giữ gìn và nuôi dưỡng nghệ thuật sân khấu độc đáo và truyền thống này qua nhiều thế kỷ. Trên thự tế ở nhều địa phương từ "rối" đã trở thành tên riêng của một cái ao, một ngôi chùa như chùa Rối ở Phú Xuyên (Hà Tây cũ) hay làng Rối ở huyện Ý Yên (Nam Định). Các tác phẩm văn học của Phan Tường Nguyên (thế kỷ 12) và các ghi chép của vua Trần Thái Tông (1225-1258) cùng khẳng định múa rối nước là một hình tức giải trí cung đình dưới thời Lý-Trần. Lịch sử Việt Nam trải qua bao cuộc chiến tranh tiếp nối nhau đã hủy hoại biết bao công trình của đất nước. Chỉ có các nhà hát múa rối nhỏ bé là còn tồn tại được, như thủy đình ở chùa Thầy được xây dựng thời Hậu Lê (1533-1708) và thủy đình ở chùa Đông xây dựng năm 1775.

Cái nôi của rối nước được bắt nguồn từ hơn mười làng tập trung trong một khu vực tương đối hẹp ở vùng châu thổ sông Hồng. Suốt thời phong kiến trước năm 1945, các phường rối ít khi mang con rối ra khỏi kho của đình làng. Họ thường chỉ biểu diễn trong các lễ hội xuân hằng năm hay trong ngày giỗ vị thần bảo hộ nghề rối của làng. Các phường rối nổi tiếng ít khi đi biểu diễn ở các làng lân cận và các tỉnh ngoài bởi vì người biểu diễn là người diễn nghiệp dư của làng vốn chỉ tập luyện trong lúc rỗi rãi. Tuy nhiên các phường rối nước

trong làng cũng có tổ chức thành hội. người biểu diễn múa rối phải tuân theo các quy định chặt chẽ và phải giữ bí mật các thao tác điều khiển con rối. Các thành viên trong nghề và uống máu ăn thề. Theo lời nghệ sĩ múa rối Đinh Văn Tiêu, thuộc phường Đào thục, xã Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội, trước kia những ai muốn học nghề múa rối đều được ông tổ nghề đích thân dạy bảo ngay từ đầu. Chỉ những ai thật sự xuất sắc mới được nhập phường. Người mới được chấp nhận ăn mặc chỉnh tề, mang lễ vật gồm: trầu cau, xôi, rượu dâng lên ông tổ nghề. Nghề múa rối cứ tuần tự truyền từ đời cha sang con. Con gái và con rể không bao giờ được nhập phường. Nếu cả phường đồng ý kết nạp thêm thành viên mới thì tất cả sẽ uống máu ăn thề" Suốt đời suốt kiếp chúng tôi phải giữ bí mật của nghề. Nếu không, chúng tôi và ba đời con cháu sẽ phải chết." Khi biểu diễn mỗi người chỉ biết riêng phần của mình và không được hé lộ bí mật cho người biểu dễn khác. Người ngoài không được phép xem diễn viên luyện tập. Bí quyết quan trọng nhất là về cấu tạo con rối và kỹ thuật điều khiển dây. Bất cứ ai làm lộ bí mật đều phạt một con lợn 50 cân và khai trừ ngay ra khỏi phường rối.

1.3.1.2. Một số vị thần bảo hộ của múa rối nước ở các phường rối

Phường rối Ra (Hà Tây)

Phường rối làng Ra là một trong những phường rối lâu đời nhất ở Hà Tây. Truyền thống phường rối bắt nguồn từ 10 thế kỉ trước từ khi pháp sư Từ Đạo Hạnh sáng lập nên phường rối. Từ Đạo Hạnh quê ở huyện Bưởi. Khi còn trẻ, Từ Đạo Hạnh dành thời gian để tu hành và giảng đạo Phật. Ông bỏ nhà sang Trung Quốc và Ấn Độ để học tập sau khi trở về, ông muốn mang những gì đã học được ra áp dụng. Ông tìm một nơi thích hợp để dựng chùa và đã chọn Sài Sơn do nơi đây phong cảnh đẹp tự nhiên và làng mạc trù phú. Từ Đạo Hạnh dựng nên chùa Thầy và từ đó nghiên cứu kinh Phật cho đến lúc qua đời. Ông thường xuyên tiếp xúc gần gũi với cộng đồng, khuyến khích các nghệ thuật truyền thống và dạy dân làng Ra hát chèo và múa rối nước. Ông cũng cắt ba mẫu ruộng (1 mẫu = 3600 m2) ở Đồng Vai cho phường rối. Lễ hội chùa Thầy kéo dài ba ngày, bắt đầu từ mùng 5 tháng 3 Âm lịch. Phường rối dâng cúng lễ vật và biểu diễn để tỏ lòng tôn kính người sáng lập – pháp sư Từ Đạo Hạnh.

Phường rối làng Bùi (Hải Dương)

Truyền thuyết kể rằng múa rối nước ở làng Bùi, Hải Dương ra đời thế kỷ 11, dưới thời nhà Lý giặc Tống xâm lược bao vây kinh thành và đe dọa giết tướng Trần Bình và binh lính của ông. Tướng Trần Bình ra lệnh cho lính tước cỏ dại thành sợi nhỏ sau đó dán lên các quả cầu gỗ giả làm đầu người. Họ thả các binh lính giả xuống các hào quanh thành rồi mở cổng thành. Quân giặc tràn vào song gặp đám binh lính giả thì kinh hãi, lợi dụng lúc địch đang bối rối rút chạy theo lối cổng sau tướng Trần Bình đã bao vây và tấn công giặc lúc này ở bên trong. Đến tuổi già khi đất nước đã thanh bình, Trần Bình cáo quan và quay về làng Bùi. Ở đó ông dạy dân làng múa rối nước, người dân làng Bùi tôn Trần Bình làm Thành Hoàng làng. Trước khi mang rối ra biểu diễn các thành viên phường rối dâng các lễ vật tạ ơn ông tổ của nghề rối nước của làng Bùi.

1.3.3. Đặc điểm của nghệ thuật múa rối nước

1.3.3.1. Con rối

Con rối được các nghệ nhân làm bằng gỗ, gỗ tốt sẽ nặng và chìm, nên gỗ sung là chất liệu thông dụng để tạo con rối, loại gỗ này nhẹ, dai, rất dễ điều khiển trong khi biểu diễn dưới nước. Sau đó được sơn một lớp sơn không thấm nước. Để tạo một con rối hoàn chỉnh, các nghệ nhân phải trải qua nhiều giai đoạn tỉ mỉ, công phu từ đục cốt đến trang trí. Con rối được tạo bởi hai phần chính, phần thân và phần đế:

Phần thân là phần nổi bên trên thể hiện nhân vật. Thân gồm đầu, mình, 2 tay, 2 chân. Rối được tạc thân với đế là một khối liền, khi chuyển động là chuyển động toàn thân, các cử động của rối được thiết kế theo yêu cầu của trò diễn như cử động đầu thì tạo khớp ở cổ, cử động tay thì tạo khớp ở vai, ở khuỷu tay, cử động thân thì tạo khớp ở bụng… Máy điều khiển rối sẽ được lắp ở bụng rối. Rối phụ thuộc vào cấu tạo và yêu cầu cử động để tạo khớp. Ví dụ như trâu, bò, ngựa cũng được đục rỗng ở bụng để giảm trọng lượng cho rối.

Phần đế là phần chìm bên dưới, là phần tiếp liền với thân rối có vai trò như phao giúp rối đứng được khi diễn trò trên mặt nước. Đế đồng thời cũng là điểm tựa để luồn các giấy từ máy điều khiển đóng bên trong thân rối đến tay

cầm của sào. Điều khiển biểu diễn múa rối nước dân gian có 2 loại máy: máy sào và máy dây. Máy sào thì đơn giản hơn, chuyển động của rối trên sàn diễn rất linh hoạt.Trò diễn sinh động, không khí sân khấu sôi động song nhược điểm là không đưa quân trò đi xa khối buồng trò. Máy dây bao gồm một hệ thống dây và các cột, các fu-li, nhờ đó các trò diễn có thể đưa ra rất xa khỏi buồng trò gây nên sự tò mò, kỳ lạ cho người xem. Máy điều khiển và kỷ xảo điều khiển con rối là yếu tố chính để tạo nên hành động của con rối. Phường rối Yên ở xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây dùng gỗ cây yến để làm rối. Con rối được sơn 4 hoặc 5 lần bằng một loại vecni truyền thống có phủ lớp bạc, do vậy các con rối rất bền.

Hình tượng rối : người nông dân dình dị, phụ nữ, cô thiếu nữ….hoặc những nhân vật lịch sử : Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Lợi… nhiều nhân vạt gàn gũi với ruộng đồng : đàn trâu, đàn vịt, đàn cá, con mèo, con chuột.

Nhân vật quan trọng nhất trong múa rối nước

Trải qua nhiều năm, người Việt từ chốn cung đình cho đến các làng mạc nông nghiệp ai ai cũng yêu mến chú Tễu và coi Tễu chính là linh hồn của rối nước, là cầu nối giữa người biểu diễn và người xem. Tễu được làm to hơn tất cả các con rối khác mặc dù dựa vào cách để tóc trái đào của chú thì Tễu mới chỉ bảy, tám tuổi. Chú Tễu thân hình tròn trĩnh, da trắng hồng và lúc nào cũng tươi cười, chú đóng khố để lộ bộ ngực và bụng phệ. Tay vung vẩy, cái đầu quay nghiêng quay ngửa mỗi khi trêu chọc khán giả. Trong chữ Nôm "Tễu" có nghĩa là " tiếng cười" Tễu là nhân vật táo bạo, luôn diễu cợt, chế nhạo. Trong các vở diễn Tễu là người mở màn, người bình luận, người kể chuyện, và là người chỉ trích quan lại tham nhũng. Ở một số phường rối, chú Tễu lại là người phất cờ hoặc châm pháo. Một số người coi Tễu là tên mõ làng hay giúp đỡ các cụ già, có người lại nghĩ Tễu là người đi mổ bò, mổ trâu. Tất cả các phường rối đều dùng Tễu làm nhân vật để mở màn buổi biểu diễn.

Theo như ông Nguyễn Văn Tước thuộc phường rối Chàng, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây cũ là con trai của cựu trưởng phường múa rối. Ông sở hữu một bộ sách bằng chữ Hán về phường Chàng do cha ông truyền lại.

Bộ sách này ghi chép các luật lệ đối với người trong phường rối, các tích truyện, các vở diễn, các bài hát và cả bài giáo đầu của Tễu. Xin trích lại một bài như sau:

"Xin kính chúc các vị khán giả và mọi người an khang, hạnh phúc. Gờ đã đến lúc bắt đầu câu chuyện, một câu chuyện từ ngày xửa ngày xưa, đã lâu lắm rồi. Cờ xanh cờ đỏ đã phất! Lính đã xếp thành hai hàng ngay ngắn chờ sẵn hai bên cạnh đám ngựa đang nhảy dựng lên, đoàn voi đứng sừng sững như núi. Những họng súng chỉ còn đợi châm ngòi lửa là gầm lên tiếng rống hủy diệt. Nhưng đợi đã! Nhìn kìa! Trên không trung bầy tiên nữ đang múa lượn tưng bừng. Bên dưới có tiều phu, nông dân, một thợ dệt và mấy người đánh cá. Trong xưởng đúc đồng một người đàn ông đang đúc chuông và tượng. Những nhà sư và đám người mộ đạo đang thắp hương khấn vái. Những ngôi chùa và đình tuyệt đẹp. Hãy nhìn mặt nước cho thật kỹ! Nhìn con lân, con rùa, con phượng! Nhìn con chuột, con con rồng, con con rắn!

Ai nấy trẻ già đầu nóng lòng chờ đợi. Lời của thánh thần được theo dõi từng chữ. Các nhà thơ nói rằng:

"Đông con, có địa vị trong xã hội là phúc, có lộc."

"Có tài, có may mắn sẽ thọ lâu"

"Anh chị em ơi, nổi trống phách lên nào"

1.3.3.2. Nghệ thuật tạo hình

Khi tạo hình con rối phải chú trọng đến những con rối chính trong tích và trò diễn. Họ cố gắng làm sao để trên bề mặt con rối có được những nét điển hình cần nhấn mạnh. Có những vai diễn không phải chăm chút lắm về tạo hình bộ mặt nhưng phải chú ý trang phục và thứ họ mang theo để nói lên thân phận của nhân vật, ví dụ như trong trò diễn nông, công, thương hoặc trò ngư tiền. Các nhân vật dựa trên các tích trong vớ tuồng, chèo thì ăn mặc giống như các diễn viên tuồng chèo. Một điều dáng chú ý nữa là trong việc tạo hình các nhân vật, nghệ nhân phải có đầu óc tưởng tượng , lãng mạng và luôn nghĩ đến cái lạ cái đẹp. Nhiều nghệ nhân kế thừa được nghệ thuật của nghệ nhân lớp trước là chú, bác, cha, anh của họ. Họ sáng tạo và ngợi ca cái đẹp trong gia phả của họ. Họ

giữ được những nét dân gian truyền thống và độc đáo khiến các nghệ sĩ mới thời nay phải kính nể.Và do đó, chúng ta cũng tự hào về nghệ thuật tạo hình của họ.

Thiết kế tạo hình cho rối nước khác với rối cạn. Con rối nước dùng gỗ làm vật liệu chính để thể hiện, chứ không dùng giấy bồi, giấy vải để làm. Gỗ dùng cho việc tạo khối hình. Ngoài ra còn cần các vật liệu như mây, tre, sắt, dây thừng… Công việc thiết kế tạo hình quân rối phải qua các bước: Tạo tính cách nhân vật – thiết kế trang phục – thiết kế máy điều khiển – thực hiện thiết kế tạo hình trên vật liệu. Với rối cạn sau khi tạo xong phơi rối theo thiết kế kỹ thuật sẽ thực hiện tiếp công việc theo thiết kế tạo hình mỹ thuật về mỹ công, phục trang. Đối với rối nước tất cả đều thể hiện trên gỗ. Sau khi hong khô sẽ tiến hành hom, bó, sơn, thếp, vẽ màu, đóng máy. Tuy phục trang cho rối thể hiện đẽo, phạt trên gỗ nhưng không vì thế mà mất đi vẻ mềm mại, đường nét chạm khắc trên phục trang của rối nước được thể hiện tương tự như với phục trang ở tượng và các chạm khắc dân gian trên điêu khắc truyền thống, nhưng được đơn giản, lược giản vì rối nhỏ và hoạt động di chuyển trên sân khấu nên nếu thể hiện chi tiết người xem cũng không thể nhận biết.

Rối loài vật thiết kế tạo hình cùng phong cách với rối người. Các rối loài vật đều tạo phác ước lệ, khái quát không thể hiện chi tiết. Hình dáng chung của rối đã tạo được cảm giác chuyển động của quân trò như trò chọi trâu. Sở dĩ các con rối nước tạo cảm giác sống động là vì cách tạo rối, rối không tạo tác cụ thể như khối cho tượng nên không thể hiện điêu khắc theo giải phẫu. Khi trên cạn nhiều rối trông thật vô lý đến ngớ ngẩn nhưng đặc trưng và mục đích sử dụng đã tạo nên cấu trúc đó. Điểm khác nhau cơ bản giữa rối và tượng là ở cấu trúc đó, nếu tạo rối với tỉ lệ cấu trúc cơ thể như đối với tượng thì sẽ mất đi chất rối, mất đi sự ngộ nghĩnh và khi thả xuống nước để biểu diễn quân trò sẽ đờ đẫn, khó điều khiển. Nghệ thuật thiết kế tạo hình rối nước dân gian hình thành trên đất Việt cổ đã rất lâu đời nhưng chưa được tổng kết lý luận về thiết kế tạo hình rối, nhưng qua thực tế trải nghiệm đã cho ta thấy điều đó: nghệ thuật tạo hình điêu khắc cho rối nước mang ngôn ngữ điêu khắc động vì rối được tạo ra để diễn trò

chứ không phải để trưng bày, chính vì vậy cách tạo khối hình cho rối rất giản dị, chân thật.

1.3.3.3. Sân khấu

Sân khấu của rối nước thường là ao, hồ của làng mạc thôn quê, khán đài là bãi cỏ rộng xung quanh đấy rất thuận tiện cho dân chúng thưởng thức. Sân khấu còn được gọi" là thủy đình " hay "nhà rối" gồm hai tầng, tầng trên được dùng để thờ tổ, tầng dưới được dùng để làm hậu trường có màn che là nơi các nghệ nhân ngâm mình biểu diễn. Sân khấu là khoảng trống trước mặt buồng trò. Buồng trò được trang bị cờ, quạt, voi trượng, cổng hàng mã… Dùng nước làm sân khấu cho con rối hoạt động là một đặc điểm độc đáo của nghệ thuật rối nước, nó vừa cản trở vừa hỗ trợ vừa phối hợp mà tạo nên mọi điều hấp dẫn.

Nói về mặt nghệ thuật hoặc về kỹ thuật thì nước là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với việc biểu diễn múa rối nước. Sân khấu ở đây không phải là một cái sàn gỗ, không phải là sợi dây và cũng không phải là cái que điều khiển con rối như trên cạn, mà tất cả được thực hiện dưới nước, làm trò dưới nước. Điều khiển quân rối bằng cái sào, phối hợp với dây và que. Do vậy mặt nước gần như quan trọng bậc nhất, vì nhờ có nước đỡ con rối mà cái sào dài 3,4,5 thước vẫn điều khiển được quân rối, bởi theo nguyên lý Acsimet thì con rối nhúng xuống nước sẽ có áp lực của nước đẩy lên. Măt khác, mặt nước ao hồ ở giữa trời được ánh sáng mặt trời chiếu tỏa làm cho lung linh huyền ảo tạo không gian vừa thực vừa hư, nước ao hồ xanh đục có thể che giấu các dụng cụ máy móc điều khiển con rối không cho khán giả biết nhằm tạo nên tâm lý tò mò, nếu nước quá trong dễ khiến nhìn thấy rõ những dụng cụ dưới nước là lộ bí mật làm giảm mất hứng thú.

Từ xa xưa người nông dân Việt Nam ở đồng bằng Bắc Bộ đã biết tận dụng yếu tố nước ở ao hồ để làm trò múa rối nước với những máy móc từ đơn giản đến tinh vi thì nhiều nơi khác trên đất nước ta người nông dân đã sáng tạo những trò diễn rất hay, hoặc làm ra những công cụ sản xuất rất quý từ yếu tố nước như dùng xe nước để lấy nước dưới sông lên đồng, thậm chí còn dùng nước để tạo ra âm nhạc… Dĩ nhiên không thể thiếu sự đóng góp trí tuệ của

những trí trí thức nông thôn. Mỗi lần các nghệ nhân tổ chức biểu diễn múa rối nước trên ao, hồ là xóm làng trở lên tưng bừng, nhộn nhịp như ngày hội. Những cái hồ, ao thả bèo, nuôi cá của người dân bỗng trở thành điểm hội tụ của dân làng trong tiếng thúc giục của tiếng chiêng. Cái ao đã trở thành điểm hội tụ văn hóa đông vi và cuốn hút ở làng quê. Do đó nếu ở đâu vì quan niệm hiện đại hóa sai lầm mà đòi tách sân khấu múa rối nước ra khỏi ao làng là không thể chấp nhận được. Làm như vậy là đồng nghĩa với việc phá bỏ một truyền thống, một sáng tạo nghệ thuật lâu đời mà người nông dân Việt đã dày công sáng tạo ra cách đây gần mười thế kỷ và đã gắn bó lâu đời. Sân khấu múa rối nước cổ nhất còn lại tới ngày nay là thủy đình của phường rối Ra ở hồ Long Trì (Hà Tây cũ) nay thuộc Hà Nội được xây dựng thế kỷ 17.

1.3.3.4. Nghệ thuật âm nhạc và văn học

- Âm nhac: Múa rối phải cần âm thanh mạnh để giữ tiết tấu và khuấy động không khí biểu diễn. Vốn là một nghệ thuật lấy động tác làm ngôn ngữ diễn đạt rối nước gắn bó với âm nhạc như nghệ thuật múa. Âm nhạc diều khiển tốc độ , giữ nhịp. Như vậy âm nhạc của rối nước đóng vai trò hết sức quang trọng quyết định đến thành công của đêm diễn.

Trước đây dàn nhạc cũng ngồi trong buồng trò sau sân khấu cùng với các nghệ sĩ rối, các nhạc công không hát cũng không dẫn chuyện sau này dàn nhạc mới được biểu diễn trên bờ ao do đó các nhạc công có thể phối hợp tốt hơn với hành động của rối. Ông Nguyễn Hữu Giáp phường rối Ra (Hà Tây cũ) giải thích: “Các buổi biểu diễn từ ngày xưa đã có trống, chum chọe, tù và. Về sau này mới có thêm mô, sáo, đàn nhị, đàn nguyệt, đàn bầu. Ngày nay đôi khi người ta dùng máy cát-sét thay cho dàn nhạc.”

Từ thời xa xưa dân làng đã biết dùng sừng trâu để thông báo các tin quan trọng như hội làng hay săn lùng bắt trộm. Phường Đồng Ngư ở xã Phú Thái huyện Thuận Thành, Bắc Ninh thổi tù và trước khi biểu diễn để thu hút sự chú ý của khán giả. Các nghệ nhân khi biểu diễn cũng sử dụng tù và để tạo không khí hội hè trong cảnh rước kiệu.

• Văn học: Văn chương rối nước truyền trống là các bài văn vần biền ngẫu. Yếu tố có giá tri văn học và phù hợp nhất cho múa rối nước thường là các câu các bài ca dao. Nhìn chung văn học mới giữ vai trò giới thiệu trò, minh họa trò chứ chưa tham gia vào hành động của nhân vật. Văn học rối nước nôm na không gò bó cho một hình thức thơ dân tộc nào.

1.3.3.5. Nghệ nhân múa rối nước

Nghệ nhân của trò múa rối nước không xuất hiện trên sân khấu mà họ đứng núp sau bức mành che để điều khiển con rối bằng một hệ thống dây, sào, thừng, vọt que phức tạp, đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao hoặc giật dây con rối bằng hệ thống dây được bố trí sẵn . Điều đặt biệt hơn hết là họ phải ngâm mình dưới nước hàng giờ để biểu diễn, chỉ khi nào kết thúc màng diễn họ mới xuất hiện và đồng thời các nghệ sĩ diễn rối nước xát gừng đã được giã nát trên thân thể mình và uống nước mắm để giữ ấm khi họ phải đứng suốt trong làng nước lạnh ngang hông để điều khiển con rối tại các cánh đồng lúa hay ở các ao, hồ .

1.3.3.6. Cách biểu diễn

Nghệ nhân biểu diễn được che kín bằng buồng trò. Các con rối được tạo bằng vật liệu gỗ dễ kiếm. Các nghệ nhân do biết khai thác mặt nước để diễn trò nên rối từ một vật vô tri vô giác trở thành những nhân vật rất sinh động và hồn nhiên. Buồng trò là nơi giấu mình của các nghệ nhân, đồng thời là nơi để con rối, để sắp trò, nhạc công biểu diễn. Ngày xưa các cụ biểu diễn trò hoàn toàn vào ban ngày, bởi nếu diễn vào ban đêm ánh sáng để phục vụ cho buổi biểu diễn rất khó. Khi biểu diễn nghệ nhân sẽ sử dụng máy điều khiển và đặc biệt là kĩ xảo điều khiển để tạo nên hành động của quân rối trên sân khấu. Đó chính là mấu chốt của nghệ thuật trình diễn rối nước. Máy điều khiển rối nước sẽ làm di chuyển các quân rối và tạo hoạt động cho nhân vật. Máy được giấu trong lòng nước lợi dụng sức nước để điều khiển từ xa. Ngoài ra còn có sự phụ trợ thêm của nhạc đệm, pháo hoa, khói mù làm hấp dẫn và tăng cường tính chuyên nghiệp cho vở diễn. Mở đầu là màn bật cờ tạo nên không khí háo hức sau đó là các màn biểu diễn. Các con rối thoắtt ẩn thoắt hiện, lặn xuống phóng lên mang

nhiều bất ngờ thú vị, các màn diễn đa dạng, phong phú và gần gũi mang lại cho người xem sự thoải mái và cùng nhiều bài học bổ ích .

Một số tiết mục múa rối nước đặc biệt :

- Trâu trốn trong tẩu thuốc phiện.
- Hai vợ chồng chăn vịt
- Ba con báo
- Một cây cau
- Lên kiệu xuống ngựa
- Rước ngũ phượng
- Chớ trộm cổ vật
- Đánh đu quay tơ dệt lụa

1.3.4. Giá trị văn hóa nghệ thuật của múa rối nước

Ngoài giá trị giá trị lịch sử, giá trị kinh tế múa rối nước còn có văn hóa – nghệ thuật. Giá trị nghệ thuật của múa rối nước còn được thể hiện qua những đặc trưng mà chỉ múa rối nước mới có:

Đặc trưng 1: Sáng tạo độc đáo.

Trên thế giới có rất nhiều hình thức sân khấu rối: Rối dây, rối que, rối tay, rối bóng Indonesia, rối đen… Dù hình thức nào đi nữa cách điều khiển có khác nhau, mục đích chính các nghệ sĩ múa rối nước chỉ nhằm làm cho con rối hoạt động, điều khiển dễ dàng, động tác phong phú và cố gắng dấu dược người điều khiển.

Rối nước thành công là vì những yêu cầu trên được giải quyết tốt, đáp ứng đòi hỏi một cách mỹ mãn trên mặt nước. Con rối nước đi đứng, chạy nhảy dễ dàng, có thể nhanh nhẹn như con cáo săn mồi, tinh tế và khéo léo như đôi lân tranh cầu, dũng mãnh kiêu hùng như đôi rồng phun lửa. Tất cả hiện ra sống động như thật, người xem không thể biết được điều khiển bằng cách nào, ai điều khiển, diễn viên ở đâu?

Đặc trưng 2: Múa rối nước gắn liền với môi trường nước và cảnh quan, cuộc sống và tâm hồn người nông dân.

Khi biểu diễn múa rối thật là một không gian đặc biệt hấp dẫn, không khí vô cùng náo nhiệt, tưng bừng. Mặt hồ ngày thường đã trở thành sinh động, đầy sự bất ngờ và thú vị. Thợ điêu khắc gỗ dân gian ở các làng rất khéo tay. Họ tập hợp lại thành nhóm thành làng nghề. Nghề điêu khắc gỗ truyền thống đã phát triển góp phần tạo nên những con rối rất đẹp, duyên dáng, sống động bởi tính cách được khắc họa rất khác nhau.

Đặc trưng 3: Trò diễn, con rối ngây thơ mộc mạc – là hình ảnh của người nông dân.

Rối nước dân gian chủ yếu chỉ diễn trò. Có một số tích nhưng thực chất câu chuyện đã được sơ lược, rút ngắn nhằm khai thác một số trò trong câu chuyện đó. Nhân vật, đề tài, chuyện đều rất quen thuộc với mọi người. Có thể là lịch sử như: Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lam Sơn tụ nghĩa hay cuộc sống tâm linh như: Tứ linh, sư đăng đàn… Ngoài ra là số lớn nhân vật đời thường như: vợ chồng chăn vịt, anh câu ếch…

Đặc biệt ở đây nghệ thuật điêu khắc, tạo hình đã tạo được nét đặc trưng và tính cách những con rối nước vui vẻ, hài hước, đậm chất ngây thơ, hồn nhiên, mộc mạc. Có được như vậy trước tiên các nghệ nhân tạo rối làm việc với tâm hồn trong sáng, không vì mục đích riêng lẻ nào. Họ lại là những người không qua trường lớp nên không bị một quy phạm học thức ràng buộc. Chủ yếu họ dựa vào cảm hứng sáng tạo, mô phỏng hiện thực.

Đặc trưng 4: Bí mật về chuyên môn, kỹ thuật.

Sự hấp dẫn và cái hay của nghệ thuật rối nước dân gian nằm ở điều bí mật. Bí mật để người xem thấy sự tài tình trong các hoạt động của con rối, bí mật gây sự tò mò. Như các thành viên phải " uống máu ăn thề" không truyền nghề cho con gái vì sợ lấy chồng sẽ làm lộ bí mật nhà nghề. Khi thử các bộ máy mới sáng chế phải làm vào ban đêm, các bộ phận điều khiển con rối phải dùng những từ " lóng" để gọi vì sợ người ngoài biết mà ăn cắp nghề. Quả thật bí mật là điều quan trọng, mang lại thành công không nhỏ cho môn ngệ thuật múa rối nước.

Nhà văn hóa Hữu Ngọc đã từng mô tả "ngôn ngữ" của nghệ thuật rối nước như sau: Không rõ múa rối nước có ở các nước khác hay không, hay chỉ Việt

Nam mới có thôi, nhưng có một điều chắc chắn là múa rối nước này vẫn tiếp tục được lưu truyền và ngày càng được khán giả ưa chuộng. Để thưởng thức rối nước trong bối cảnh nguyên thủy của nó, cần phải trở về cái nôi đã sinh ra loại hình nghệ thuật này_ vùng làng quê châu thổ sông Hồng.

Khởi đầu, múa rối nước có lẽ là một nghi lễ để cầu mưa cho mùa màng tươi tốt. Vì thế mà hình ảnh con rồng thần thoại (một hình ảnh mang ý nghĩa tốt đẹp trong văn hóa Việt) là một nhân vật tiêu biểu trong các vở rối. Vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng nóng ẩm, và chằng chịt sông ngòi. Làng nào cũng có một cái ao được sử dụng như là một nhà hát múa rối nước. Múa rối nước cần thời tiết ấm áp vì những người biểu diễn phải đứng trong nước ngang thắt lưng hàng giờ. Dàn cảnh sân khấu, thông thường là cảnh một ngôi đình, chắn giữa khán giả và người biểu diễn đứng sau một bức mành tre. Họ điều khiển con rối nhờ một thanh tre dài 2m và phải giữ cho thanh tre không lộ trên mặt nước. Con rối bằng gỗ nặng được buộc vào đầu thanh tre ở cách xa người biểu diễn nên họ phải có sức khỏe thì mới điều khiển được.

Suốt thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, người Việt ở các đô thị không biết đến múa rối nước vì chỉ có nông dân biểu diễn múa rối nước và cũng chỉ biểu diễn cho hàng xóm của họ mà thôi. Chính vì thế mà các vở rối nước đều dàn cảnh giống ở vùng nông thôn: có ruộng lúa, ao cá, lũy tre, cây đa, giếng nước…

Các nhân vật rối cũng bao gồm nông dân, thợ cưa, thợ rèn, thợ mộc. Mọi hoạt động đều diễn ra trong phạm vi một ngôi làng. Chỉ có duy nhất một cảnh cho thấy có mối quan hệ với bên ngoài đó là cảnh vinh quy bái tổ. Nông dân ở châu thổ sông Hồng vốn sinh sống bằng nghề trồng lúa nước. Họ phải làm việc vất vả trên đồng ruộng và luôn luôn phải chống chọi với lũ lụt. Thể hiện sự gắn bó của người nông dân với đất và nước, các nhân vật rối ca tụng vẻ đẹp của lao động, sự kiên trì bền bỉ, và tinh thần lạc quan yêu đời trong nhà ngoài xã. Những ẩn ý sâu xa và lối mỉa mai châm biếm phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, trong đó cái ác bao giờ cũng phải hứng chịu hậu quả. Các nhân vật rối kết hợp được cả thuyết vật linh của người Việt và đạo Phật, đạo Lão, và đặc biệt là

đạo Khổng. Xem một vở rối giữa cảnh đồng lúa mênh mông người xem dễ dàng nhận ra chủ nghĩa đa thần của người nông dân Việt.

Thông qua các trò của rối nước, người xem đã cảm nhận được sắc thái của hội làng, lại phảng phất những mơ ước bình dị cho cuộc sống. Họ mơ ước có được cuộc sống may mắn, hạnh phúc và bình yên. Nghệ thuật múa rối cổ truyền từ thời xa xưa đã mang đậm bản sắc dân tộc từ vẻ dịu dàng, man mác đồng quê, sự chịu thương chịu khó tần tảo sớm hôm lo cho cuộc sống, tới sự quật cường anh dũng bảo vệ nơi chôn rau cắt rốn khi kẻ thù xâm chiếm bờ cõi giang sơn. Ở đấy vừa trần tục gần gũi lại vừa linh thiêng, nó cũng chính là biểu tượng cho mơ ước của cộng đồng người Việt. Có thể nói, múa rối nước là một loại hình nghệ thuật đặc sắc mang đậm bản sắc dân tộc, bao đời qua đã gắn bó chặt chẽ với những tập tục, lễ hội của vùng Bắc bộ. Múa rối nước gần gũi với đời sống thường nhật của người dân, góp phần không nhỏ trong việc truyền bá kiến thức sản xuất, giáo dục tinh thần yêu nước, đạo đức, lẽ sống cho mọi tầng lớp xã hội, xứng đáng là một nghệ thuật độc đáo có một không hai trên thế giới. Hiện nay múa rối nước đang nằm trong danh sách đề cử là di sản văn hoá thế giới.

1.4 Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, khóa luận đã nghiên cứu tổng quan về nghệ thuật múa rối nước truyền thống; khái niệm, nguồn gốc, đặc trưng của nghệ thuật múa rối nước từ đó chỉ ra giá trị văn hóa, nghệ thuật của múa rối nước – một loại hình nghệ thuật độc đáo riêng biệt của Việt Nam. Từ đó làm cơ sở để đi vào tìm hiểu về nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục tại chương 2.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC TẠI LÀNG NHÂN MỤC, XÃ NHÂN HÒA,HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

2.1 Giới thiệu đôi nét về Vĩnh Bảo, Hải Phòng

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Huyện Vĩnh Bảo được triều đình nhà Nguyễn thành lập năm 1838 trên cơ sở tách 3 tổng (Đông Am, Thượng Am, Ngải Am) thuộc huyện Vĩnh Lại sát nhập với 5 tổng (An Bồ, Viên Lang, Đông Tạ, Bắc Tạ, Can Trì) thuộc huyện Tứ Kỳ (Hải Dương). Huyện Vĩnh Bảo với diện tích tự nhiên khoảng 18.054 ha, ở phía Tây nam thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 40 km, là huyện đất liền xa nhất của thành phố. Ở vị trí tiếp giáp giữa Hải Phòng với các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, huyện Vĩnh Bảo là một huyện giữ vai trò trọng yếu trong phát triển vùng kinh tế ngoại thành Hải Phòng. Điểm cực Đông của huyện là cửa của sông Hóa đổ vào sông Thái Bình, trước khi sông Thái Bình đổ ra vịnh Bắc Bộ, phía Tây Bắc huyện giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây Nam và Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Tiên Lãng (Hải Phòng).

Địa hình – khí hậu – sông ngòi: Là vùng thuộc đồng bằng Bắc Bộ nên Vĩnh Bảo mang đầy đủ tính chất và đặc điểm về môi trường tự nhiên của Việt Nam. Địa hình chủ yếu là đồng bằng, khí hậu nhiệt đới gió mùa. Với mạng lưới sông ngòi dày đặc, đặc biệt là hệ thống sông: sông Luộc, sông Hoá, sông Thái Bình với lượng lớn phù sa bồi đắp.

2.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Dân cư: là địa phương có dân số khá đông (20 vạn), trong đó trên 10 vạn còn trong độ tuổi lao động, có chất lượng lao động khá cao cung cấp hàng vạn lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài huyện.

Cơ sở hạ tầng: Là đô thị loại 4, có kết cấu hạ tầng kinh tế hiện đại, thành lập thêm thị trấn Nam Am xã Tam Cường, quy hoạch các xã, thị trấn, quy hoạch

phát triển hệ thống chợ, hệ thống giao thông và khu vực bãi rác thải theo hướng phát triển bền vững. Huyện có các đường giao thông chính là: Đường quốc lộ 10 đoạn qua huyện dài 15km, đường 17A dài 23,7km (từ bến phà Chanh giáp huyện Ninh Giang đến cống 1 Trấn Dương giáp huyện Thái Thuỵ tỉnh Thái Bình); đường 17B dài 28km đi qua 14 xã và đường Cúc Phố - Vĩnh Phong dài 8km; đường Hàn - Hoá dài 6km. Các tuyến đường trên đều được rải nhựa và bê tông, cơ bản đảm bảo yêu cầu giao thông của nhân dân.

Về y tế: Huyện có 1 trung tâm y tế với 160 giường bệnh, 3 phòng khám đa khoa khu vực, 30 trạm y tế xã. Khó khăn lớn nhất của y tế xã là: Nhiều trạm y tế xuống cấp, thiếu phòng và thiếu trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân, thiếu kinh phí đào tạo y bác sĩ cho y tế xã. Trong đó có 3 trạm y tế xã xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân là trạm y tế xã: Hiệp Hoà, Vĩnh An, Tiền Phong.

Về giáo dục: Huyện có 31 trường mầm non, 31 trường tiểu học, 31 trường trung học cơ sở, 5 trường trung học phổ thông, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên với tổng số học sinh trên 50 ngàn em. Cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo chuẩn còn thiếu nhiều. Có 6 xã đang có nhiều khó khăn về xây dựng trường lớp là xã: Giang Biên, Vĩnh An, Dũng Tiến, Hiệp Hoà, An Hoà, Trung Lập. Đây là những xã nghèo, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

2.2.3. Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch Vĩnh Bảo khá đa dạng và phong phú nhưng chủ yếu vẫn là tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm các khu di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, cách thức sinh hoạt, các loại hình nghệ thuật dân gian, công trình kiến trúc…

2.2.3.1. Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa

Đình Nhân Mục (xã Nhân Hòa)

Đình Nhân Mục là ngôi đình khá bề thế, được xây dựng từ thế kỷ XVII. Đình Nhân Mục không chỉ là nơi lưu giữ, bảo tồn những di vật nghệ thuật quí mà còn là trung tâm bảo lưu những sinh hoạt văn hoá cổ truyền tốt đẹp của dân

tộc. Đình không những là nơi tôn thờ vị thành hoàng mà còn là nơi diễn ra các lễ hội của nhân dân địa phương. Ngày hội diễn ra từ mồng 10 đến hết ngày 22 tháng 3 âm lịch, trùng với lễ hội giỗ tổ Hùng Vương. Đình được Bộ Văn hoá thông tin quyết định công nhận là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia ngày 12 tháng 12 năm 1994.

Miếu Cựu Điện (xã Nhân Hòa)

Theo thần tích, vị thành hoàng được thờ ở miếu Cựu Điện là ông An Tấn, quê Châu Ái (Thanh Hóa) có công cùng Lý Thường Kiệt và các tướng lĩnh khác phá Tống ở thế kỷ thứ XI. Hội lễ chính của miếu Cựu Điện tổ chức từ mùng 10 đến 12 tháng 3 Âm lịch. Đó là ngày mừng thắng trận, sau các nghi lễ đến các trò chơi như đánh cờ, đốt cây bông, đánh vật, hát chèo, múa lân. Đặc biệt có nghệ thuật múa rối nước, một hoạt động trung tâm, quan trọng trong mấy ngày hội.

Miếu Bảo Hà (xã Đồng Minh)

Miếu Bảo Hà là ngôi miếu thuộc ba thôn: Bảo Động, Hà Cầu và Mai An của xã Đồng Minh huyện Vĩnh Bảo, miếu còn có tên là "Tam xã thượng đẳng từ". Thành hoàng của ngôi miếu là Linh Lang đại vương, tượng Linh Lang đại vương trong hậu cung của Tam xã thượng đẳng từ là một bức tượng độc đáo, hiếm gặp trong số những bức tượng hiện có ở Việt Nam.

Miếu Bảo Hà có không gian kiến trúc không lớn nhưng ở đây dân làng còn lưu giữ được nhiều di tích quí tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc qua nhiều thế hệ của người Linh Động, Hà Cầu xưa. Ngày nay nghề tạc tượng tạo những con rối vẫn được duy trì. Đó thực sự là nghề cổ, truyền thống điển hình của một làng quê yêu nghệ thuật của huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm(xã Cổ Am)

Khu di tích Trạng Trình bao gồm các hạng mục: Tháp bút Kình Thiên, đền thờ Trạng trình, nhà trưng bày, phần mộ thân sinh Trạng trình, Am Bạch Vân, tượng Trạng trình, Hồ bán nguyệt, chùa Song Mai, Nhà Tổ của chùa có tượng thờ bà Minh Nguyệt, bia và Quán Trung Tân. Tất cả rộng 4 ha từ Đền ra đến bờ sông Hàn.Tháp bút Kình Thiên tương truyền là do học trò tạo dựng để ca ngợi tài năng của Trạng trình như trụ cột chống trời.

Ngôi đền lập trên nền nhà cũ của Trạng trình từ năm 1765. Qua thời gian, chiến tranh, đền bị hủy hoại, đã nhiều lần xây lại, trùng tu, đến nay đền có ba gian tiền đường, hai gian hậu cung. Phía trước hai bên đền có hai hồ tròn và vuông tượng trưng cho trời và đất. Trong đền có thờ tượng Trạng trình với y phục triều chính.

Chùa Phúc Lâm (xã Nhân Hòa)

Chùa Phúc Lâm thuộc làng Cựu Điện, xã Nhân Hoà là ngôi chùa cổ có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá đáng trân trọng và tự hào. Theo nguyên bản chữ Hán, chùa Cựu Điện có tên gọi là "Phúc Lâm Tự". Chùa Phúc Lâm là địa chỉ đỏ về truyền thống cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ của huyện; trong đó, những nhà sư trụ trì chùa là những nhà hoạt động cách mạng khi thì bí mật, lúc công khai.

Ngoài ra còn có các di tích lịch sử - văn hóa như chùa Đông Lâm (xã Lý Học), chùa Đông Tạ- Vĩnh Bảo, chùa Đồng Quan 9 xã Dũng Tiến, cụm đền chùa Thái Bình, đình Quán Khái (xã Vĩnh Phong), đình An Quý (xã Cộng Hiền), đình Lễ Hợp (xã Tam Đa), đình xã Trấn Dương (xã Trấn Dương), đình Từ Lâm (xã Đòng Minh), đền thờ Trình Quốc Công (Đền Trung Am) xã Lý Học.

2.2.3.2. Lễ hội

Hội đánh pháo đất

Thời gian: 3/8 âm lịch. Được tổ chức ở các xã Tân Hưng, Tam Đa, Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng với nội dung thi đánh pháo đất. Mỗi cỗ pháo được 3 hay 4 người nhào luyện kỹ, nặng khoảng 25 - 30kg. Khi có hiệu lệnh người chơi nâng pháo lên cao rồi giáng xuống đất. Pháo nào có cánh pháo đất dài nhất không bị đứt đoạn là thắng cuộc.

Hội đền Trạng

Lễ hội đền Trạng thường được tổ chức với quy mô lớn vào ngày mất (28/11 âm lịch) của danh nhân văn hóa Nguyễn Bỉnh Khiêm. Được tổ chức tại khu du tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện

Vĩnh Bảo. Là sự kiện văn hóa được rất nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến.

Ngoài ra còn có hội Đình Cựu Điện xã Nhân Mục và hội tướng quân Phạm Đàm xã Tam Đa được tổ chức vào ngày 10-3 âm lịch.

2.2.3.3. Một số loại hình nghệ thuật dân gian

Múa rối cạn

Múa rối cạn làng Bảo Hà, xã Đồng Minh là môn nghệ thuật dân gian lâu đời được truyền lại cho con cháu. Cách trung tâm thành phố Hải Phòng 30km, làng Bảo Hà-xã Đồng Minh-huyện Vĩnh Bảo-thành phố Hải Phòng vốn nổi tiếng với nghề tạc tượng từ thế kỷ XVI và môn nghệ thuật múa rối cạn đã trải qua 7 đời. Hàng năm, vào ngày hội làng (13-3 âm lịch), người thợ Bảo Hà vẫn tổ chức cúng tế vị tổ nghề tạc tượng và điêu khắc gỗ Nguyễn Công Huệ tại Miếu Bảo Hà. Ngoài bức tượng tổ nghề rất nổi tiếng, ở ngôi miếu này hiện nay vẫn còn giữ được bức tượng Linh Lang đứng lên ngồi xuống được. Nhiều ý kiến cho rằng, cấu tạo của pho tượng gần giống quân rối dây.

Múa rối nước

Múa rối nước làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa là loại hình sân khấu kết hợp với thiên nhiên lửa pháo. Nghệ thuật tạo hình những con rối bằng gỗ ngộ nghĩnh và chứa đựng nét văn hoá dân gian đặc sắc không dễ nơi nào có được. Múa rối nước tại làng Nhân Mục đã trở thành một trong những hoạt động thường xuyên phục vụ khách du lịch trong mỗi chương trình đến thăm miền đất cổ kính này. Con rối được làm bằng gỗ sơn then hoặc gỗ sung, từ đôi bàn tay và sự sáng tạo của những nghệ nhân trong làng đã tạo những tiết mục múa rối vô cùng đặc sắc.

2.2.3.4. Làng nghề truyền thống

Làng nghề tạc tượng Bảo Hà

Ở cái nôi của nghề tạc tượng, những nét đặc trưng của các pho tượng ở đình Bảo Hà là dấu ấn rõ nét nhất về tài hoa của các nghệ nhân nơi đây. Các pho tượng được phủ màu và vẽ trang trí đạt tới trình độ hoàn hảo trong nghệ thuật tạo hình, tính hiện thực ở mỗi pho tượng đều thể hiện trình độ rất điêu luyện, xứng danh là quê hương của vị tổ sư có tài về tạc tượng.

Nghề dệt chiếu cói Bảo Hà

Nghề dệt chiếu cói đã có từ rất lâu đời tại Bảo Hà khó có thể xác định được năm ra đời của nó nhưng theo những người trong làng nói lại thì nghề này được ra đời sau nghề tạc tượng, sơn mài khá lâu và cùng với huyện Tiên Lãng, nghề dệt chiếu cói đã có một thời phát triển rất mạnh trên vùng đất này. Điểm đặc biệt của chiếu cói Bảo Hà là gần như chúng được làm thủ công 100%, đảm bảo cho chất lượng của sản phẩm làm ra.

2.2. Nghệ thuật múa rối nước tại làng nhân mục, xã Nhân Mục, Vĩnh Bảo Hải Phòng

2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Tương truyền múa rối nước làng Nhân Mục có từ năm Nhâm Tý 1911. Thời kỳ đó con giống được làm bằng rơm, rạ, giấy bồi và biểu diễn trên cạn (rối cạn) sau đó các cụ sáng kiến tìm các vật liệu nổi như đào củ chuối khoét hình và tổ chức diễn dưới ao, hồ và rối nước đã xuất phát từ đấy. Sau đó, phường rối được gia đình nhà cụ Ngại ở làng đã học tập nghệ thuật múa rối nước của phường Nguyễn (Thái Bình) và sau đó mời cụ Phấn, cụ Khiêm ở phường Nguyễn sang để xây dựng lại phường rối Nhân Mục, mỗi người gia nhập đóng góp 5 đồng và 3 cân gạo để "thầy ăn, đục quân rối" trong thời gian 3 tháng, sau đó tập và biểu diễn các tiết mục chỉ có: Tễu giáo đầu, tiết mục bật cờ, múa tứ linh, đấu vật, kéo cá…

Sau thời kỳ đó do chiến tranh loạn lạc, đời sống khó khăn nên không tổ chức làm và biểu diễn nữa, đến năm 1921 bắt đầu lại từ những con rối cạn (bằng rơm, rạ). Sau 1945 hòa bình được lập lại, phường rối nước làng Nhân Mục đã đi biểu diễn nhiều nơi nhân dịp các hội làng, vinh dự cho phường rối nước Nhân Mục năm 1961 – 1965 được mời đi biểu diễn tại Hà Tây, vườn bách thảo, ngã tư sở (Hà Nội) phục vụ các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước tại hội nghị biểu dương học tập và làm theo sách (thư viện toàn quốc tại Hà Nội) và được nhiệt liệt hoan nghênh, sự cổ vũ động viên của các đồng chí lãnh đạo, phường rối về tiếp tục dàn dựng thêm một số tiết mục mới như: Tiết mục chồng người, tiết mục múa tiên, tiết mục lân tranh cầu, tiết mục thị mầu lên chùa…

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ người dân An Hòa (Nhân Mục ngày nay) tập trung sức người, sức của chiến đấu bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Dưới sự tàn phá của chiến tranh, đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn, vì vậy nghệ thuật múa rối nước ít được quan tâm và đứng trước nhiều nguy cơ bị thất truyền. Là một người đam mê múa rối nước, ngay từ nhỏ cậu bé Phước – hiện đang là phường trưởng phường rối làng Nhân Mục đã theo ông nội và bố đi biểu diễn ở một số nơi, nhiều khi những con rối còn theo ông vào trong từng bữa ăn, giấc ngủ và ước mơ một ngày được trực tiếp biểu diễn. Ông là người đã dày công tìm tòi, tìm hiểu và nghiên cứu về nghệ thuật múa rối nước tại làng và là người có công lớn trong việc khôi phục nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa.

Từ năm 2000 phường rối được kết nạp là thành viên thứ 12 của Hiệp hội múa rối "UnimaViệt Nam" lúc đó được sự quan tâm của Đảng, chính quyền địa phương và đặc biệt được sự quan tâm của Cục nghệ thuật biểu diễn, Bộ văn hóa thông tin và Hội đồng quản trị quỹ "Unima Việt Nam" hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà thủy đình, đào tạo tay nghề cho anh chị em diễn viên, nhạc công, hỗ trợ kinh phí tạo hình con rối, từ đó phường rối Nhân Mục phát huy khả năng của mình để nâng cao nghệ thuật biểu diễn, phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước, của địa phương và khách quốc tế nhằm duy trì bảo vệ, quảng bá môn nghệ thuật dân gian truyền thống độc đáo của Việt Nam. Trong quá trình phục vụ và tham gia các hội thi, phường rối nước Nhân Mục đã đạt được những thành tích đáng khích lệ:

- Năm 2002 được Bộ văn hóa tặng bằng khen
- Năm 2004 Cục nghệ thuật biểu diễn tặng bằng khen
- Năm 2005 được Bộ văn hóa thông tin và UBND tỉnh Phú Thọ tặng bằng khen. Phường rối tham gia hội diễn múa rối nước toàn quốc tại Đền Hùng Phú Thọ đã đạt được 3 huy chương vàng, 2 huy chương bạc. Tham gia Festival Huế đã giành 4 huy chuơng vàng và 4 bằng khen. Ngoài ra, được hội văn học dân gian thành phố tặng giấy khen thành tích cho tập thể phường rối nước Nhân Mục.

Hiện nay phường rối Nhân Mục gồm : 18 nghệ nhân, do ông Trần Văn Phước là phường trưởng; ông Nguyễn Văn Luận và ông Nguyễn Văn Tuấn là phường phó; ông Trần Văn Tập là thủy quỹ.

Múa rối nước ở làng Nhân Mục thường được diễn vào những ngày nông nhàn khi công vệc đồng áng đã xong, ngày xuân, trong các lễ hội (10/3 âm lịch hàng năm). Thông qua các câu chuyện mà các nghệ sĩ rối nước thể hiện người xem cảm nhận được sắc thái của hội làng, gửi gắm vào đó những ước mơ bình dị cho cuộc sống. Do điều kiện tự nhiên và công việc nông nghiệp gần gũi và gắn bó với nước, chính những người nông dân chân lấm tay bùn đã sáng tạo ra nghệ thuật rối nước.

2.2.2. Đặc trưng của nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục

2.2.2.1 Nét độc đáo của nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục

a) Con rối

Cũng giống như cách làm con rối truyền thống, các con rối làng Nhân Mục được làm từ những loại gỗ nhẹ: vuông, sung, vàng tâm,…những loại gỗ rất thanh mảnh, dẻo dai phù hợp với môi trường nước. Thớ gỗ sung mịn, không có các vết sâu đục, không có mấu và cũng không dễ gẫy. Những nghệ nhân trong làng cắt gỗ lúc gỗ còn tươi cho dễ dàng tạo hình thành những khúc vừa kích thước con rối, bóc vỏ và để cho gỗ khô dần vì các con rối khi bị ngâm nước sẽ dễ bị mục nên phải phơi khô. Sau đó nghệ nhân dùng đục, bát, tỉa để chạm gỗ và nối chân tay rối và nối các máy điều khiển. Cuối cùng con rối sẽ được sơn một lớp sơn ta để chống thấm nước và bền. Con rối nước Nhân Mục không mang quần áo để đảm bảo độ bền chắc bên trong và có dáng vẻ bên ngoài cho quân rối. Động tác của của con rối nước chỉ có thể dơ tay, quay trái, quay phải vậy mà khi đưa xuống nước, dưới ánh sáng của lửa sự linh hoạt của các loại pháo sáng các con rối bỗng trở thành trung tâm của sự náo động, bản thân nó chỉ cần nhúc nhích một chút cũng có sự minh họa đầy đủ.

Để làm ra một con rối, người thợ phải thực hiện các bước tạc thô như: tạo dáng, tạo khuôn mặt, đẽo tay con rối… Trong đó, tạo khuôn mặt là khâu khó nhất. Khuôn mặt con rối phải đảm bảo có hồn và thể hiện được vai diễn. Con rối

ở làng Nhân Mục có đặc trưng nổi bật là: hình tượng con rối giống với hình tượng của con người ở đời thường hơn. Ví dụ: Ông quan trong vở diễn thì hình nét sắc thái cũng phải chính là ông quan của con người Việt Nam thời phong kiến trước kia chứ không thể là ông quan của người Trung Quốc, hay các vị quan chức ngày nay được… Giống từ nét mặt, cái mũi, bộ râu, kể cả điểm con mắt, hay mũ mão thì phải là sơn son thiếp vàng không như một số đoàn khác, họ chỉ chấm vài cái hoa văn bằng sơn tây vào thành cái mũ cánh chuồn tay.

b) Nghệ thuật tạo hình

Việc tạo hình con rối cũng rất đặc sắc, người thợ thông qua truyền nghề trực tiếp, bằng cách quan sát vì trí tưởng tượng tinh tế họ đã nảy sinh những ý tưởng về trò diễn, vở diễn mới và họ tự đục đẽo theo hình mẫu lý tưởng để tạo ra con rối vừa đẹp, vừa mới lạ và đáp ứng được yêu cầu của vở diễn. Tuy nhiên, do phong cách chung của bộ môn nghệ thuật này, cho nên yêu cầu nhất thiết trong khi tạo hình con rối là phải giữ gìn hình dạng màu sắc tranh dân gian. Khi tạo hình, các nghệ nhân luôn chú ý tới việc diễn tả tính cách nhân vật thông qua hình tượng bên ngoài. Căn cứ vào từng tích trò mà nghệ nhân sẽ tạo hình nhân vật cho phù hợp với tích trò ấy. Dần dần, năm này qua năm khác, các nghệ nhân lại bổ sung thêm các tích trò mới, để cho tới bây giờ nghệ thuật múa rối nước ở làng Nhân Mục độc đáo chỉ có duy nhất ở Hải Phòng.

c) Sân khấu

Dùng nước làm sân khấu cho quân rối hoạt động là một đặc điểm độc đáo của nghệ thuật múa rối nước. Nước không chỉ là nơi nhân vật làm trò, đóng kịch mà còn là yếu rố cộng sinh, cộng hưởng, cộng minh. Nước vừa cản trở, vừa hỗ trợ, phối hợp. Trên "chiếc gương lỏng này", những gì là khô cứng, nghèo nàn đều trở nên lung linh, mềm mại, uyển chuyển, duyên dáng. Múa rối nước là nghệ thuật hội hè làng xóm, là sáng tạo bí truyền của từng phường, từng hội, từng nghệ nhân và lưu giữ nhiều hoạt động xã hội, nhiều truyền thống dân gian, nhiều kỹ thuật thô sơ, nhiều nghệ thuật và sinh hoạt tinh thần vật chất của nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Sân khấu múa rối nước trình bày những cảnh đời thường ngày, những sinh hoạt dung dị đến ngạc nhiên. Nó cắt

nghĩa rõ ràng khả năng và tài năng của một dân tộc sinh sống bằng nghề trồng lúa nước.

Sân khấu của rối nước ở làng Nhân Mục là một cái ao của làng, khán đài là bãi cỏ rộng xung quanh đấy rất thuận tiện cho dân chúng thưởng thức, thường thì nhân dân sẽ đứng để xem. Nó cũng được gọi " là thủy đình" hay "nhà rối" gồm hai tầng, tầng trên được dùng để thờ tổ, tầng dưới được dùng để làm hậu trường có màn che là nơi các nghệ nhân nghâm mình biểu diễn. Sân khấu là khoảng trống trước mặt buồng trò. Buồng trò được trang bị cờ , quạt, voi trượng, cổng hàng mã…

d) Âm nhạc

Vốn cách Thái Bình – cái nôi của nghệ thuật hát chèo chỉ một con sông nên từ xa xưa, làng múa rối nước Nhân Mục đã tiếp thu những làn điệu chèo làm phong phú thêm cuộc sống tinh thần của nhân dân, để cuộc sống thêm phần tươi mới, lạc quan dẫu còn nhiều khó khăn. Sự kết hợp linh hoạt, nhịp nhàng giữa các hoạt động của con rối với những câu hát chèo vô cùng thú vị, lạ mắt khiến người xem cảm thấy như rối đang hát chèo vậy. Trò diễn lúc bấy giờ là các vở chèo cổ như Quan Âm Thị Kính, Kiều, Trương Viên…

e) Nghệ nhân

Nghệ nhân múa rối chính là người sáng tạo và duy trì nghệ thuật múa rối nước. Nghệ nhân làng Nhân Mục là những người làm ruộng, là những bác nông dân chân lấm tay bùn. Việc ngâm bùn lội nước là cuộc sống hàng ngày của người nông dân không ngoại trừ những con người giản dị chất phát trong làng Nhân Mục và được biểu diễn rối nước là niềm thích thú, niềm đam mê của họ. Với trí óc và bàn tay khéo léo những con rối với những hình dáng, biểu cảm khuôn mặt vô cùng linh hoạt đã được tạo ra. Nghệ nhân rối nước đều là người lớn tuổi họ xem việc duy trì và bảo tồn múa rối nước là cực kỳ quan trọng.

Hiện nay đoàn rối Nhân Mục gồm 18 người với đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, thường xuyên đi lưu diễn các tỉnh toàn quốc.

f) Cách biểu diễn

Điều đặc biệt ở đây không phải là trên khắp cả nước chỉ có làng Nhân Mục mới có múa rối nước, vì theo tổng kết của Viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, thì đến nay, ngoài làng Nhân Mục còn có rất nhiều làng múa rối khác ở Thái Bình, Hải Dương, Hà Nội. Mỗi phường đều có một cách biểu diễn riêng, ở làng Nhân Mục đó là kết hợp của những con rối và làn điệu chèo mộc mạc giản dị, cùng với tinh thần luôn lạc quan, vui vẻ. Sân khấu ở làng Nhân Mục là ao làng – sân khấu múa rối nước truyền thống. Chính cách biểu diễn này làm nên danh tiếng của múa rối nước Nhân Mục.

2.2.2.2. So sánh đặc điểm nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục với các làng/ vùng lân cận

Hiện nay, ở Việt Nam vẫn còn tồn tại 14 phường rối truyền thống như:

- Phường rối Hồng Phong (xã Hồng Phong, Ninh Giang, Hải Dương)
- Phường rối Bùi Thượng (xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương)
- Phường rối Thanh Hải (xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương)
- Phường rối Chàng Sơn (xã Thạch Thất - Hà Nội)
- Phường rối Thạch Xá (xã Thạch Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội)
- Phường rối Bình Phú (xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội)
- Phường rối Nhân Mục (xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng)
- Phường rối Nghĩa Trung (huyện Nghĩa Hưng, Nam Định)
- Phường rối Nam Chấn (xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định)
- Phường rối cạn Nam Giang (Nham Trực, Nam Định)
- Phường rối Đông Các (xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình)
- Phường rối Nguyên Xá (Xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình)
- Phường rối Đồng Ngư (xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh)
- Phường rối Đào Thục (xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội)

Trong phạm vi khóa luận tác giả nghiên cứu và so sánh nghệ thuật múa rối nước làng Nhân Mục với nghệ thuật múa rối cạn làng Bảo Hà và nghệ thuật múa rối nước làng Nguyễn, Thái Bình.

a) So sánh với nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà.

Về nghệ thuật biểu diễn múa rối

Một trong những tiêu chí phân biệt rối nước, rối cạn, rối trên không là sân khấu diễn. Nếu như rối cạn Bảo Hà vẫn bảo đảm sự giao lưu tình cảm giữa người diễn và người xem qua chiếc mành thì múa rối nước ở làng Nhân Mục người điều khiển quân rối phải ngâm 2/3 thân mình trong nước sau các tấm màn che cửa buồng trò để kéo giật, đưa đẩy… các tấm sào, các dây làm cho quân rối đi lại, cử động ngoài sân khấu. Người điều khiển vừa thấy quân rối của mình hoạt động trước mắt, vừa tiếp nhận và đáp lại những biểu cảm của người xem biểu lộ khi nhân vật hành động.

Điểm đặc biệt thứ hai của múa rối nước Nhân Mục, đó là những con rối trên sân khấu biểu diễn là do chính tay các nghệ nhân trong phường làm ra, căn cứ vào tích trò sẽ diễn, các nhân vật cần có mà họ sẽ tạo hình nhân vật theo mong muốn của mình. Khuôn mặt vui hay buồn, thiện hay là ác, xấu hay đẹp đều tùy vào người tạc. Chính vì thế mà khuôn mặt rối chính là tâm tư tình cảm, ý tưởng mà các nghệ nhân gửi gắm vào trong đó. Họ thổi hồn cho rối, khiến chúng sinh động, rõ nét và chân thực, có hồn, tạo sức thuyết phục cho vở diễn, bởi người diễn đã hóa thân mình trở thành nhân vật, hiểu được nhân vật của mình.

Vì con rối ở đây nhỏ, nên mô hình sân khấu cũng sẽ nhỏ. Số lượng khách tối đa là khoảng 50-100 người. Thường mỗi vở diễn cần sự góp mặt của 20 nghệ nhân tham gia biểu diễn.

Về tích và trò trong nghệ thuật múa rối

Nhắc đến múa rối chúng ta thường nghe tới cụm từ " tích trò". Tưởng chừng như chúng là một nhưng trên thực tế tích và trò là hai cách biểu diễn khác nhau trong nghệ thuật múa rối: Tích thường được nhắc tới trong nghệ thuật múa rối cổ truyền, khi biểu diễn các vở diễn cổ. Tích đi kèm với những điệu hát chèo,

những lời kể chuyện, dẫn dắt nhân vật khi biểu diễn. Ngày nay, múa rối sử dụng "trò" nhiều hơn, vì lẽ rằng, trong "trò" các con rối biểu diễn theo điệu nhạc, cũng thỉnh thoảng sẽ có những lời hát đan xen nhưng không nhiều như trong "tích". Nhạc chỉ mang tính chất phụ họa cho vở diễn thêm phần sinh động, hấp dẫn, tạo nên hiệu ứng âm thanh. Chính "trò" sẽ tạo thuận lợi cho khán giả nước ngoài khi xem múa rối, bởi lẽ, vì bất đồng ngôn ngữ, nếu diễn "tích" thì khán giả không thể hiểu hết được nội dung của vở diễn, làm giảm bớt đi phần nào sự thú vị, nhưng"trò" thì khán giả chỉ cần nhìn theo động tác của nhân vật để hiểu nội dung mà vở diễn muốn truyền tải tới ngườii xem. Chính vì điều này mà khi tổ chức múa rối cạn và múa rối nước phục vụ du khách nước ngoài, các nghệ nhân Bảo Hà và nghệ nhân làng Nhân Mục đều lựa chọn "trò diễn" thay vì "tích diễn".

Về *nghệ thuật hát chèo trong múa rối*

Để tăng thêm phần hấp dẫn cho vở diễn múa rối, các nghệ nhân sẽ lồng vào trong đó những điệu hát, lời ca mượt mà, đằm thắm của quê hương, đất nước. Vốn cách Thái Bình – cái nôi của nghệ thuật hát chèo chỉ một con sông nên từ xa xưa, cả Bảo Hà và Nhân Mục đều tiếp thu những làn điệu chèo, làm phong phú thêm cuộc sống tinh thần của nhân dân, để cuộc sống thêm phần tươi mới, lạc quan dẫu còn nhiều khó khăn. Trò diễn lúc bấy giờ là các vở chèo cổ như Quan Âm Thị Kính, Kiều, Trương Viên… Tính đến nay, phường rối đã sở hữu 100 con rối các loại và 15 tiết mục thường xuyên. Tùy từng tích trò mà sẽ lồng vào trong đó các làn điệu chèo khác nhau. Múa rối cạn Bảo Hà khi biểu diễn họ có thể vừa hát, vừa điều khiển con rối theo lời hát của mình, khiến người xem thích thú khi "rối hát chèo", còn múa rối nước Nhân Mục thì có người hát chèo riêng, người điều khiển rối riêng. Thêm một lần nữa, nghệ nhân làng Nhân Mục đã thổi hồn cho rối, khiến chúng từ ban đầu chỉ là những mẩu gỗ vô tri vô giác trở nên sống động như người thật, có thể ca hát, nhảy múa, khuôn mặt biểu cảm sinh động, có thể tự cởi áo, mặc áo, xòe quạt quạt như con người… Điều này càng làm tăng thêm sự mến mộ của người đời với tài năng của những nghệ nhân làng Nhân Mục.

Về cách tạo hình con rối

Ở nghệ thuật tạo hình rối Bảo Hà, các nghệ nhân tạo mặt gắn liền với bán thân, nối với bán thân là que trụ (hay còn gọi là que trong). Nếu như múa rối cạn Bảo Hà chỉ cần từ một cái que gỗ là điều khiển được con rối thì múa rối nước Nhân Mục lại sử dụng máy điều khiển và đặt biệt là kĩ xảo điều khiển để tạo nên hành động của quân rối trên sân khấu. Đó chính là mấu chốt của nghệ thuật trình diễn rối nước. Máy điều khiển rối nước sẽ làm di chuyển các quân rối và tạo hoạt động cho nhân vật. Máy được giấu trong lòng nước lợi dụng sức nước để điều khiển từ xa.

b) So sánh với nghệ thuật múa rối nước làng Nguyễn, Thái Bình

Kỹ thuật, nghệ thuật làm buồng trò, chế tạo, điều khiển quân rối, máy rối.

Có thể nói con rối thì hầu hết ở phường nào cũng sử dụng gỗ sung để tạo rối có khác là ở cách làm quân rối bởi sự phát triển của nghệ thuật múa rối không tách rời khỏi việc sáng tạo và cải tiến quân rối. Ở mỗi phường mỗi nghệ nhân đều có những sáng tạo của riêng mình. Quân rối càng hoàn hảo càng giúp cho kỹ xảo của người điều khiển nâng cao và khả năng diễn đạt phong phú hơn. Quân rối Nguyễn xưa nổi tiếng là đẹp, hay, có sơn son thiếp vàng, ít thấm nước, xuống nước là bóng lên do các nghệ nhân tài hoa của làng làm ra. Làng rối Nguyễn hiện nay còn hàng trăm quân rối nhưng trong đó chỉ có 2 quân Tiên và Tễu là được tạo trước 1945, là quân Tễu đẹp nhất của sân khấu rối nước và của ngành rối nước truyền thống Việt Nam.

Máy điều khiển cũng giữ vai trò hết sức quan trọng trong biểu diễn rối nước. Máy điều khiển là khâu trung gian truyền tải những ý đồ, hành động điều khiển của người diễn viên tới quân rối để chúng có thể cử động. Phường rối Nhân Mục có cả 2 loại máy là máy dây và máy sào. Máy sào tạo sức cân, tác động vào đế quân rối làm quân rối xoay chuyển được toàn thân. Máy dây thì phong phú hơn máy sào, vừa nhiều kiểu độc đáo, vừa năng động, tổng hợp có thể chứa được nhiều quân hơn, có khả năng mở rộng các trò tới các hoạt cảnh. Đây là kiểu máy triển vọng để phát triển nghệ thuật rối nước làng Nhân Mục.

Ngoài ra, ở hai phường rối còn khác nhau ở buồng trò. Buồng trò rối nước làng Nguyễn xưa không làm theo kiểu cố định như buồng trò của làng Nhân Mục mà làm theo kiểu lưu động, lắp buộc, tháo dỡ, khung bằng tre gỗ, vách bằng phên, vải, mái bằng cót vẽ giả ngói. Mặc dù có thể đem sân khấu đến nơi tùy mong muốn nhưng chính vì vậy cũng mất khá nhiều thời gian và công sức để làm sân khấu mỗi khi biểu diễn.

Một số trò, tích trò tiêu biểu.

Các chương trình tiết mục biểu diễn của rối nước ở các phường rất phong phú gồm nhiều trò lẻ và tích trò. Dù rằng là trò lẻ, hoạt cảnh hay tích trò thì các tiết mục rối nước làng Nguyễn và làng Nhân Mục đều mang ý nghĩa giáo dục và giá trị thẩm mỹ sâu sắc. Các nhân vật không có tên riêng và cũng không có lai lịch rõ ràng mà chỉ xuất hiện trong từng giai đoạn nhất định, một công việc cụ thể.

Trước Cách mạng tháng 8/1945 gồm có: Trò bật cờ, múa tễu, canh nông, múa tứ linh, múa sư tử, đấu mã, chăn vịt đánh đáo, Đinh Bộ Lĩnh, Thị Màu lên chùa, đua thuyền, Từ Thức nhập thiên thai….Sau Cách mạng tháng 8/1945: Bình dân học vụ, đánh đường 10, đánh trận sông Lô, trâu phá cày, đánh Mỹ Diệm…

Lời văn và âm nhạc.

Cũng giống như nghệ thuật rối nước dân tộc, nghệ thuật rối nước làng Nguyễn và làng Nhân Mục vốn xuất thân từ những trò không lời, thu hút người xem bằng sự kỳ diệu do tài năng của các nghệ nhân tạo hình, nghệ nhân điều kiển tạo nên. Lời văn cũng như âm nhạc mới tham gia vào giai đoạn sau này.

Một nét điển hình của rối nước làng Nhân Mục là những lời giáo Tễu, đó là những bài văn vần phục vụ kịp thời các dịp biểu diễn ở trong làng, mang tính chất thời sự sâu sắc.

Âm nhạc không chỉ giữ tiết tấu cho diễn xuất, khuấy động không khí biểu diễn mà nó còn truyền đạt, lay động tới người xem những nội dung, tư tưởng tình cảm nhất định. Đặc điểm chung là nghệ thuật rối nước làng Nguyễn và làng Nhân Mục do được sinh ra trên cái nôi của nghệ thuật chèo truyền thống vì thế

các nghệ nhân múa rối ở đây đã biết tận dụng triệt để âm nhạc của chèo. Nhạc cụ gồm có:

Bộ gõ: Trống đại, trống trung, trống tiểu, thanh la, nạo bạt, mõ, chiêng.

Bộ hơi: Sáo, kèn (kèn tàu)

Bộ dây: Hồ, líu, nhị, đàn tranh, đàn tam

Người xem bị cuốn hút không chỉ bởi những hình ảnh trên sân khấu mà còn bởi những âm thanh rộn rã của tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng sáo (trong các tiết mục bật cờ, múa lân, múa tứ linh). Những làn điệu, khúc nhạc chèo khi vui tươi rộn rã (trong các tiết mục xẩm xoan, tứ quý, lưu thuỷ, sắp qua cầu, sắp cổ phong), khi ngân nga da diết (như các điệu vỉa, ngâm sổng)…Đặc biệt những bài chèo do người nghệ nhân hay những người nông dân sáng tác và biểu diễn rất giản dị và mộc mạc.

Có người từng nhận xét: Đi xem biểu diễn rối nước ở phường Nhân Mục cứ như đi xem chèo, chỉ có khác chèo là người thật, còn rối nước là người giả. Điều đó càng khẳng định vai trò của âm nhạc rất quan trọng trong sự thành công của nghệ thuật rối nước nơi đây.

Rối nước chính là sự kết tinh óc sáng tạo, trí thông minh, tài khéo léo của người dân nơi đây qua bao đời tạo nên. Rối nước vốn bình dị như hạt lúa củ khoai, ăn sâu bám chắc vào mảnh đất dân gian, gắn bó chặt chẽ với truyền thống hội hè, đình đám, nó là một nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, rối nước vẫn trường tồn với thời gian, cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước nhằm giữ gìn một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và sự yêu nghề của những người dân nơi đây, nghệ thuật rối nước sẽ ngày càng phát triển.

2.3. Thực trạng công tác bảo tồn và khai thác cho phát triển du lịch

2.3.1 Thực trạng công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước

2.3.1.1. Khái quát về công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước tại ở Việt Nam

Có thể thấy được rằng phong trào biểu diễn múa rối nước đang được duy trì và khai thác không chỉ ở các tỉnh, thành phố tại miền Bắc mà ở các địa

phương vốn không có múa rối nước như ở miền Trung và Nam Bộ nay cũng được tổ chức biểu diễn. Đó là điều đáng mừng trong việc phát huy vốn văn nghệ cổ truyền thống trong đông đảo người xem.

Sự quan tâm của Nhà nước và các tổ chức xã hội

Cơ quan quản lý nhà nước: Liên chi hội múa rối Việt Nam(Unima Việt Nam) đã tập hợp các chi hội thành viên là các phường rối nước dân gian, phường rối cạn dân gian và các đơn vị rối chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp trên toàn lãnh thổ để quy tụ và thiết lập các mối quan hệ về nghề nghiệp và kinh nghiệm giữa các nhà hát, phường rối, động viên các nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm có chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng các tài năng trẻ, tăng cường tổ chức giao lưu, học hỏi kinh nghiệm. Tổ chức các kỳ liên hoan múa rối và các đợt lưu diễn nước ngoài và mời các đoàn rối nước ngoài đến biểu diễn tại Việt Nam. Ngoài việc thúc đẩy hoạt động tuyên truyền quảng bá nghệ thuật múa rối nước cho khách du lịch trong nước và quốc tế biết đến còn tạo nguồn kinh phí từ khách du lịch cũng như các nhà đầu tư góp để hoạt động trong công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước. Hiện nay cả nước có 4 nhà hát chuyên nghiệp với 196 nghệ sĩ, 2 đoàn múa rối bán chuyên nghiệp, 3 đoàn rối cạn cổ truyền và 14 phường rối nước cổ truyền với trên 300 nghệ sĩ, nghệ nhân.

Các tổ chức phi chính phủ: Quỹ Việt Nam – Thụy Điển thuộc chương trình hợp tác nghiên cứu Việt Nam – Thụy Điển giai đoạn 1/1/2004 đến 31/12/2007 đã hoàn thành sứ mệnh với 1.5 triệu USD, quỹ có mục đích hỗ trợ các ý tưởng, đề tài nghiên cứu. Quỹ Ford bắt đầu thực hiện tài trợ ở Việt Nam từ đầu năm 1990, được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội vào tháng 10/1996, quỹ đã phê duyệt hơn 625 tài trợ với 84.5 triệu USD cho các tổ chức và cá nhân ở Việt Nam. Phần lớn các thủy đình hiện nay tại các phường rối như Đồng Ngư, Thanh Hải, Thạch Xá, Chàng Sơn… được xây dựng mới (hoặc duy tu, sửa chữa) vào năm 2000 – 2003 dưới sự tài trợ tích cực của quỹ Ford và quỹ Việt Nam – Thụy Điển.

Vấn đề về cơ sở vật chất – kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật sân khấu múa rối nước truyền thống chủ yếu là khu vực thủy đình. Hiện nay được sự quan tâm của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, cư dân bản địa và đặc biệt là chính những nghệ nhân yêu mến nghề rối vun đắp mỗi phường rối đều có thủy đình. Kinh phí xây mỗi thủy đình và việc tu sử làm mới con giống, các thiết bị đi kèm phục vụ biểu diễn vào khoảng 1 tỷ đồng.

Về nguồn nhân lực phục vụ biểu diễn

Số thành viên dao động khoảng 15 – 22 người như phường Đồng Ngư với 22 thành viên, phường rối làng Nhân Mục gồm 18 thành viên, phường rố Đào Thục gồm 15 thành viên... Phần đông là nam giới. Hiện nay có sự tham gia của nữ giới, chủ yếu là trong vai trò ca nương, nhạc công. Một bộ phận nhỏ có thể điều khiển con rối. Các thành viên có độ tuổi khác nhau, nhưng chủ yếu là độ tuổi trung niên, công việc chủ yếu là nông nghiệp, thủ công nghiệp.

Về thu nhập, tiền công : Tính theo ngày công chia đều cho các thành viên, không mang tính làm kinh tế mà là sự động viên các nghệ nhân gắn bó với nghề, bảo tồn và giữ gìn văn hóa quê hương, đem lại niềm vui và tiếng cười cho khán giả.

Về vấn đề đào tạo nguồn nhân lực : Nếu như trước đây chỉ chon nam giới thì hiện nay chọn cả nữ giới nhưng tính bí mật vẫn được duy trì. Một bộ phận các bạn trẻ được truyền tâm huyết, chỉ có thể đào tạo tranh thủ bởi các bậc đàn anh, chú để phục vụ cho công việc điều khiển con rối. Ngoài ra các vị trí như đào hát, đục đẽo, sơn rối dựa vào số ít các thành viên có năng khiếu và lấy từ các con cháu trong làng có được đào tạo.

Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa rối nước

Không thể phủ nhận rằng việc bảo tồn chính đáng nhất, hiệu quả nhất là bảo tồn tại nơi phát sinh ra nghệ thuật này. Đó là không gian văn hóa làng xã mà các phường rối nước được sinh ra như tại phường rối Nhân Mục, Đồng Ngư, Đào Thục… Hiện nay, các phường thường biểu diễn vào dịp lễ hội, tết,hoặc biểu diễn khi có lịch đặt trước.

Bên cạnh những hoạt động tích cực cho công tác bảo tồn, nghệ thuật múa rối nước dân gian Việt Nam đang có xu hướng hiện đại hóa và đang mờ dần bản sắc, vì nó bị tác động bởi cơ chế thị trường, đồng thời không được quản lý có định hướng rõ ràng. Cũng cần nhận thức rằng, không có nghệ thuật truyền thống nào không được cải tiến và nâng cao mà có tác động trong thời hiện đại, nhưng mọi cải tiến và nâng cao phải đảm bảo đặc tính tinh hoa của nó trong mối quan hệ với bản sắc dân tộc, theo định hướng văn hóa của ta. Thêm nữa, nghệ thuật múa rối Việt Nam còn phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng nhân sự khi số lượng nghệ sĩ múa rối ở nước ta chỉ khoảng 100 người, con số quá ít ỏi để vực dậy cả một nền nghệ thuật chuyên nghiệp và lực lượng kế cận lại càng mong manh hơn. Khác với nhiều nước có nghệ thuật múa rối phát triển, Việt Nam chưa có một viện hay một trung tâm nghiên cứu nào đào tạo về chuyên ngành nghệ thuật này và cũng không có tác giả chuyên nghiệp sáng tác kịch bản rối, số lượng họa sĩ tạo hình cũng chỉ có vài người, còn rất hạn chế.

Múa rối nước dân gian đang tồn tại và phát triển tự do và tùy tiện, mạnh ai nấy làm, theo nhận thức riêng của mình, theo khả năng nhân lực và tài chính cho phép. Theo các nghệ nhân múa rối nước ở Thái Bình, Nam Định, Hà Tây, Hà Nội… đều cho rằng, còn hàng trăm trò diễn cổ chưa được khai thác, chưa được phát huy. Dù đã cố gắng đổi mới, khai thác kết hợp các loại hình nghệ thuật, song múa rối Việt Nam vẫn chưa thật sự phát triển và đang rơi vào tình trạng báo động. Thực tế cho thấy, múa rối nước vẫn chỉ lặp lại các trò: đánh cá, chăn vịt, úp lơm, đua thuyền, chọi trâu, Phùng Hưng đánh hổ, Lê Lợi trả gươm... Nếu như xưa kia với hàng trăm tích trò rối nước thế nhưng đến nay, chỉ còn hơn mười tích trò được bảo lưu và được các nhà hát, phường rối biểu diễn.

Yếu tố quyết định sự thành bại của một tiết mục rối là ở khâu chế tạo bộ máy điều khiển. Tuy nhiên trên thực tế, khi những nghệ nhân cao niên của cácvphường mất đi thì cũng là lúc những bí mật chế tác bị thất truyền. Vì thế mà cả một gia sản khổng lồ những tích trò truyền thống dần dà biến mất, khó có cơ sở để phục dựng. Tích trò đã đơn điệu, lại thêm một số đơn vị múa rối mải mê chạy theo lợi nhuận, sáng tạo những tiết mục dễ dãi, hàng loạt để phục vụ du

lịch, cho nên chất lượng nghệ thuật của nhiều tiết mục rối cũng đang nhạt dần. Sử dụng nghệ thuật truyền thống vào quảng bá du lịch là việc nên làm, song nếu đặt sai mục đích sẽ có tác dụng ngược du khách cần biết cái tinh hoa, đặc điểm của văn hóa nghệ thuật Việt Nam, chứ không phải cần đến những yếu tố vụ lợi. Cũng vì mục đích thương mại đó mà vốn nghệ thuật dân gian tiềm ẩn trong nhân dân ngày bị mai một, bị lãng quên, bị sử dụng sai mục đích dẫn đến tình trạng ngày một nghèo đi của những tiết mục múa rối.

Vì vậy để tiếp tục bảo lưu và phát huy giá trị nghệ thuật múa rối nước nói chung và hoạt động của các phường rối nói riêng cần có sự quan tâm đầu tư hơn nữa về trang thiết bị hoạt động, phục dựng lại trò cũ phát triển trò mới, khai thác những vốn quý của các nghệ nhân cao tuổi, truyền nghề cho lớp trẻ, củng cố bộ máy tổ chức phường rối… Đó là việc làm thiết thực góp phần tích cực bảo lưu "đặc sản văn hóa" của dân tộc tự ngàn đời nay - múa rối nước.

2.3.1.2. Công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục

Năm 1994, múa rối nước ở làng Nhân Mục, xã Nhân Mục được Cục nghệ thuật - Bộ VH-TT&DL hỗ trợ 80 triệu đồng để làm nhà thủy tạ (sân khấu múa rối nước) và một đôi rối nhằm bảo tồn loại hình nghệ thuật múa rối nước.

Năm 1995, được sự quan tâm đầu tư của Cục Nghệ thuật, múa rối nước Nhân Mục được đưa vào danh sách bảo tồn và khôi phục nhằm bảo vệ nét độc đáo của nền văn hóa dân tộc, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân và phát triển du lịch của địa phương.

Vốn đã có nhiều dự định và trăn trở về tình trạng múa rối nước ngày càng bị mai một, nghệ nhân Nguyễn Văn Phước – phường trưởng cùng một số người tâm huyết đứng lên chịu trách nhiệm vực dậy rối nước cho xứng tầm với vai trò của nó. Những ngày đầu bắt tay vào công việc, đoàn của ông gặp không ít khó khăn, đặc biệt là việc làm lại các con rối. Vì nếu phải mua toàn bộ con rối mới, thì số tiền lên tới hàng trăm triệu đồng. Đứng trước khó khăn vì nguồn tài trợ của Sở Văn hóa có hạn, ông Phước đã tự đứng ra bỏ tiền và tự mày mò chế tạo ra các con rối. Không quản ngại khó khăn, đôi bàn chân ông đặt lên mọi ngóc ngách trong làng, ngoài xã lần tìm những mẫu gỗ thích hợp. Ông cho biết những

khó khăn, vất vả gặp phải đó là phải kiếm cho được loại gỗ sung và gỗ vông, là hai loại gỗ vừa nhẹ vừa dai khi đóng đinh, đóng mọng vào rối không bị vỡ, và khi biểu diễn trên mặt nước con rối nhẹ mới dễ dàng được. Việc cho ra đời những con rối đòi hỏi người thợ phải có bàn tay khéo léo và sự kiên trì bền bỉ. Dưới bàn tay khéo léo của các nghệ nhân của làng, những thớ gỗ vô tri đã trở thành những nhân vật xinh đẹp và có hồn như ông lão đánh cá, người xay gạo, con trâu… Bên cạnh đó việc đầu tư trang phục cho người biểu diễn, kèn trống dàn nhạc, đèn chiếu sáng cũng gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, ông đã cùng những người trong đoàn tự bỏ tiền ra để mua sắm các thiết bị với mong muốn sớm đưa rối nước vào hoạt động, phục vụ bà con và khách du lịch. Quả thực những buổi biểu diễn của phường đều diễn ra tốt đẹp trong tiếng vỗ tay thán phục của những người dân quê và đã trở thành nguồn động viên vô giá cho phường rối.

Cũng như các loại hình sân khấu truyền thống (tuồng, chèo…), nghệ thuật múa rối nước dân gian hiện không được đông đảo công chúng Việt Nam mặn mà lắm do không thay đổi trò diễn và không nâng cao mỹ thuật quân rối và nghệ thuật biểu diễn. Một nguyên nhân khác dẫn tới việc chưa thu hút được khách du lịch là hoạt động tuyên truyền, giáo dục thẩm mỹ dân tộc cho công chúng về múa rối nước cũng chưa được quan tâm đúng mức, chưa làm cho người ta thấy hết cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của múa rối nước dân gian.

Một vấn đề nữa đang tồn tại ở địa phương là hiện tại tuyến du khảo đồng quê ở địa phương sau một thời gian hoạt động đã gặp rất nhiều khó khăn, không có hiệu quả. Lượng khách nước ngoài đến tham quan du lịch ở Nhân Mục không thông qua tuyến du khảo đồng quê mà do các công ty du lịch lữ hành trên Hà Nội đặt vấn đề trực tiếp với phường múa rối nước Nhân Mục. Ông Trần Văn Phước cho biết: "Từ lâu, lượng khách nước ngoài tới tham quan du lịch tại phường múa rối Nhân Mục đều do phường tự đứng ra tìm mối ở các doanh nghiệp lữ hành Hà Nội để duy trì hoạt động. Hoạt động của tuyến du khảo đồng quê không đem lại hiệu quả và lượng khách đến du lịch bằng tuyến này hầu như

không có". Những hoạt động này không mang lại lợi ích từ du lịch, chưa tạo được nguồn thu để phục vụ cho bảo tồn.

Một thực trạng dễ thấy du lịch ở làng Nhân Mục nói riêng và Vĩnh Bảo nói chung chỉ mang tính mùa vụ nên để đầu tư lại cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch hầu như không có. Một trong những khó khăn và vướng mắc đối với phường múa rối nước hiện nay là nhà thủy tạ bắt đầu xuống cấp, nguồn nước tại khu vực hồ thủy tạ tại đình làng không được thay rửa thường xuyên dẫn đến ô nhiễm nặng, hệ thống mái bắt đầu nứt trơ sắt ra, khả năng duy trì hoạt động chỉ được 1 đến 2 năm; mặc dù phường rối đã được các thành viên bổ sung thêm con rối (thường theo cách chắp vá vì kinh phí lớn) nhưng khi diễn thêm 1 tiết mục vẫn không đáp ứng được yêu cầu của khách. Theo ông Nguyễn Viết Bính – trưởng phòng văn hóa thông tin huyện Vĩnh Bảo hiện tại múa rối nước ở Nhân Mục gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như cơ chế duy trì hoạt động rất cần sự quan tâm của các ban ngành, để đưa rối nước Nhân Mục trở thành hoạt động du lịch đặc trưng của địa phương.

Tóm lại, công tác bảo tồn nghệ thuật múa rối nước ở làng Nhân Mục vẫn chưa được đầu tư đúng mức, chưa được sự quản lý, chỉ đạo chặt chẽ của các cơ quan, chính quyền địa phương, nhà nước.

2.3.2. Thực trạng khai thác cho phát triển du lịch

2.3.2.1. Khái quát về thực trạng khai thác cho phát triển du lịch ở Việt Nam

Múa rối nước là một nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn và chỉ có riêng ở Việt Nam nên khai thác nghệ thuật này phục vụ du lịch là điều tất yếu. Vì vậy, các cơ quan quản lý đã tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến cho nghệ thuật múa rối nước thông qua các liên hoan múa rối nước trong nước, tham gia liên hoan múa rối nước quốc tế:

Tại Liên hoan múa rối dân gian quốc tế lần thứ nhất (6/2011) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Cục nghệ thuật biểu diễn, phố hợp với Sở Văn hóa Thể Thao và Du lịch Hải Dương, Hội nghệ sĩ sân khấu, Liên chi hội múa rối

– UNIMA Việt Nam đã giới thiệu các giá trị độc đáo của nghệ thuật múa rối nước dân gian ở các phường rối đến với khán giả trong và ngoài nước.

Cách quảng cáo của dân gian là dựa vào uy tín và lời truyền tụng của người dân địa phương. Hiện nay, do nhu cầu và xu hướng của cuộc sống mới năng động các phường rối dân gian cũng đã tự trang bị cho mình những kiến thức công nghệ và kinh nghiệm như nhờ vào sự phát triển của công nghệ điện tử, internet, truyền hình… thông qua đó để giới thiệu nghệ thuật múa rối nước tới khán giả một cách nhanh nhất.

Ngoài ra, các phường rối đã kết hợp với các công ty lữ hành để duy trì lịch, thời gian biểu diễn như phường múa rối Nhân Hòa phối hợp cùng công ty lữ hành Vinatour, hay phường rối Đồng Ngư kết hợp với đơn vị kinh doanh công ty TNHH một thành viên múa rối nước Thuận Thành. Lập các website giới thiệu về nghệ thuật múa rối nói chung và nghệ thuật múa rối của từng phường rối như lịch biểu diễn, kết quả đạt được…

Quý III năm 2011 múa rối nước đã biểu diễn lưu động thử nghiệm tại các địa phương ở miền Bắc. Giá vé là 10,000đ/vé/người lớn; 5,000đ/vé/trẻ em đã thu hút rất đông khán giả đến xem. Hơn nữa, trong thời gian gần đây có nhiều sáng tạo mới từ nội dung đến hình thức nhằm phục vụ du lịch. Ví dụ múa rối nước mini của Phan Thanh Liêm đã sáng tạo những tiết mục về văn hóa giao thông như đua xe máy, ô tô… hoặc đội múa rối nước làng Đào Thục còn sáng tạo ra tiết mục bắn B52 nhằm phục vụ đợt kỷ niệm Điện Biên Phủ trên không. Tuy cũng có hiệu ứng nhất thời, nhưng về lâu về dài thì đã bám sát truyền thống, giữ cho được bản sắc dân tộc, giữ cho được những nét sáng tạo đặc sắc và độc đáo của nền văn hóa lúa nước do những người nông dân tài năng sáng tạo ra từ nhiều thế kỷ trước, đó là những trò diễn truyền thống.

Nhìn chung, việc khai thác nghệ thuật múa rối nước cho hoạt động múa rối nước chỉ dừng lại ở giai đoạn khởi đầu, hiệu quả chưa cao, vẫn còn nhiều tồn tại cần khắc phục để phát huy hết những giá trị độc đáo của loại hình nghệ thuật này trong du lịch. Hiện nay múa rối nước còn khá đơn điệu nên chưa hấp dẫn khách du lịch đến xem, số lượng khách ít, nguồn thu không cao, điều kiện phục

vụ khách còn hạn chế không đủ tiêu chuẩn. Sự kết hợp, liên kết giữa các công ty du lịch với phường rối để đưa các chương trình biểu diễn vào các tour du lịch còn lỏng lẻo, chưa thực sự được quan tâm, chú ý. Việc quảng bá nghệ thuật truyền thống này chưa được đầu tư đúng mức vì vậy khách du lịch biết đến nghệ thuật này còn ít, mới chỉ dừng lại ở việc biểu diễn cho trẻ em, hay trong các ngày hội làng.

1.3.2.1. Thực trạng khai thác cho phát triển du lịch tại làng Nhân Mục

Múa rối nước làng Nhân Mục đang được chính quyền địa phương, UBND huyện, thành phố quan tâm và đã có những hoạt động để khai thác phục vụ cho du lịch. Năm 2002 Đoàn nghệ thuật múa rối nước Hải Phòng mang đến Festival Huế những tinh hoa văn hóa chắt lọc của nghệ thuật múa rối nước. Tại liên hoan nghệ thuật múa rối nước của 14 phường rối dân gian tại Festival Huế năm 2004, các nghệ nhân múa rối nước phường rối nước làng Nhân Mục đã thay mặt đoàn múa rối Hải Phòng tham dự và đã có cơ hội quảng bá nghệ thuật múa rối nói riêng và cho các loại hình nghệ thuật dân gian nói chung với nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế biết đến.

Hiện tại phường rối làng Nhân Mục liên kết với công ty du lịch Vinatour để có nguồn khách ổn định. Lịch biểu diễn được công ty thông báo hàng tháng, ngày, giờ và được phát cho từng nghệ nhân.

Phường rối nước Nhân Mục đã dàn dựng kịch bản phong phú với 38 tích trò trong đó có 14 tích trò cổ truyền. Trong các tích trò không thể thiếu những tiết mục dân dã quê hương nhu chăn vịt, múa rồng, đánh bắt cá, xay lúa, giã gạo… Chất lượng của những màn biểu diễn rối nước được khách du lịch trong và ngoài nước đánh giá cảm nhận trong quyển sổ lưu bút của phường, hầu hết du khách đều rất thích xem biểu diễn và khen xem múa rối nước rất hay, lạ mắt, nếu có cơ hội đến họ sẽ vẫn chọn múa rối nước làng Nhân Mục để xem, thưởng thức. Bên cạnh những tích trò cổ đều có sự tương đồng như các phường rối khác ở bắc Bộ, phường đặc biệt có sự sáng tạo trong những tích trò mới như: "Thạch Sanh bắt trăn tinh", "bát âm cửu nhạc"…

Mỗi chương trình biểu diễn cho khách du lịch thường kéo dài 30 phút, trước khi biểu diễn phường rối sẽ phát cho mỗi người một tờ giấy từ 12-14 tích trò được biểu diên cho khách để họ dễ nắm bắt. Về việc dẫn các chương trình biểu diễn do các nghệ nhân sẽ dẫn các tiết mục khác nhau nhưng chủ yếu là do các nữ nghệ nhân như: Trần Thị Miền, Vũ Thị Xuyến, Phạm Thị Liễu… một số tiết mục lại do nam dẫn chương trình như: nghệ nhân Bùi Văn Thiệu dẫn tiết mục "câu ếch", "chọi trâu"…

Qua khảo sát, phường rối nước làng Nhân Mục là một trong những phường rối đạt được hiệu quả trong việc tổ chức biểu diễn có chất lượng và được khách du lịch biết đến nhiều. Bên cạnh nguồn khách nội địa là chủ yếu, phường rối thường xuyên thu hút được khách du lịch nước ngoài như: Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha… Tuy nhiên phường rối vẫn còn ảnh hưởng nặng bởi tính mùa vụ trong du lịch. Thị trường khách chia theo hai mùa rõ rệt: từ tháng 8 đến tháng 4 nâm sau là mùa cao điểm, từ tháng 5 đến tháng 7 lượng khách giảm do thời tiết nóng bức.

Theo như nghệ nhân Trần Văn Tập, thủ quỹ của phường rối, trung bình một tháng phường rối có 20-25 buổi biểu diễn. Trung bình mỗi tháng doanh thu phường rối đạt 15.000.000 – 20.000.000đ. Con số này không phải là một con số lớn nhưng đối ới nông dân chân lấm tay bùn thì đã có ý nghĩa với họ. Mỗi buổi diễn, phường rối thu được 700.000 – 800.000đ, trừ chi phí thì mỗi người chỉ còn được 20-30.000 nghìn đồng. Sau mỗi tháng phường rối nộp tiền về ủy ban nhân dân xã có giấy biên lai, mỗi một tour diễn phường trích ra 30.000đ để làm quỹ. Nếu phường rối có kế hoạch diễn tour, tu sủa, nâng cấp hay mua sắm thêm trang thiết bị có kế hoạch trình lên ủy ban sẽ căn cứ vào đó để cấp trả lại. Ngoài ra hàng tháng phường còn trích ra một ít đóng góp vào việc tu sửa, trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa của địa phương.

Thông qua các tiết mục múa rối nước, khán giả nước ngoài hiểu hơn về cuộc sống, văn hóa và con người Việt Nam nói chung và những người dân làng Nhân Mục nói riêng góp phần nâng cao hiểu biết và uy tín của văn hóa, nghệ thuật Việt Nam, hình ảnh con người Việt Nam trên trường quốc tế.

2.4. Đánh giá về công tác bảo tồn, khai thác nghệ thuật múa rối nước cho phát triển du lịch tại làng Nhân Mục

2.4.1. Thuận lợi - tích cực

Loại hình nghệ thuật đặc sắc, độc đáo

Múa rối nước là nghệ thuật chỉ có tại Việt Nam. Ngoài ra, ở Hải Phòng ngoài đoàn nghệ thuật múa rối nước Hải Phòng chỉ làng Nhân Mục mới có nên có thể coi đây là loại hình độc đáo, hấp dẫn khách du lịch tại địa phương. Chính vì vậy, Sở VHTT & DL Hải Phòng, UBND huyện, chính quyền địa phương cần quan tâm đến một tiềm năng hấp dẫn này để khai thác phụ vụ cho du lịch.

Công tác quản lý

Phường rối nước làng Nhân Mục do ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa quản lý, do đồng chí phó chủ tịch Ủy Ban Thường vụ chịu trách nhiệm chính và giao trách nhiệm cho tập thể phường rối trong đó ban lãnh đạo phường rối gồm có một trưởng phường, hai phó phường để quản lý anh em diễn viên và lịch diễn.

Bên cạnh sự quản lý của ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, phường rối còn chịu sự quản lý của ông phường trưởng Trần Văn Phước. Ông quản lý mọi hoạt động của phường rối, về ngày công đi làm của các nghệ nhân, giờ biểu diễn, công việc của các nghệ nhân trong phường rối, về các tiết mục biểu diễn phục vụ khách.

Tổ chức biểu diễn

Phường rối nước làng Nhân Mục tổ chức hoạt động một cách liên tục với tần xuất cao. Theo nghệ nhân Nguyễn Văn Luận giữ chức phó phường rối, đối tượng khách chính của phường là người dân trong làng Nhân Mục tại lễ hội làng hoặc khách thập phương trong tết Nguyên Đán và lễ hội Trạng Trình. Ngoài ra hàng tháng phường có sự liên kết kết với nhà hát múa rối Trung Ương, Bảo tàng dân tộc học Việt Nam biểu diễn mỗi tháng một buổi. Tuy nhiên hoạt động chủ yếu của đoàn rối là liên kết với các công ty du lịch tổ chức các chương trình biểu diễn phục vụ khách du lịch tại địa phương.

Được sự quan tâm của Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch, công ty du lịch tự tìm đến với phường rối và đưa rối nước Nhân Mục thành một điểm du lịch hấp

dẫn trong các tour du lịch tại địa phương. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo phường rối đã làm việc trực tiếp với các công ty du lịch tại Hà Nội để đưa khách du lịch về với phường rối. Ngoài ra phường rối nước Nhân Mục còn tổ chức biểu diễn phục vụ các đoàn khách đến Hải Phòng và đến huyện Vĩnh Bảo để tham gia các hội nghị, hội thảo. Nhất là gần đây, phường rối nước rất vinh dự được đón Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, ông Nguyễn Mạnh Cầm đến thưởng thức nghệ thuật múa rối nước Nhân Mục.

Nghệ nhân

Hiện nay đoàn rối nước Nhân Mục gồm 18 người với đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, thường xuyên đi lưu diễn ở các tỉnh toàn quốc. Trong đó phải kể đến nghệ nhân đạo cội Trần Văn Phước, Trần Văn Thịnh và hai người con ông Phước, một người chuyên chế tác còn một người chuyên biểu diễn. Với 18 nghệ nhân trong đó có 3 nữ nghệ nhân. Tất cả các nghệ nhân đều có thẻ hội viên, đặc biệt ông Phước đã đào tạo một đội ngũ nghệ nhân biết đục đẽo, phủ sơn khá tinh xảo theo các tích trò cổ truyền mang tính thẩm mỹ tuyệt vời.

Chất lượng nội dung chương trình biểu diễn

Phường rối nước Nhân Mục đã dàn dựng kịch bản phong phú với 38 tích trò trong đó có 14 tích trò cổ truyền. Trong các tích trò không thể thiếu những tiết mục dân dã quê hương nhu chăn vịt, múa rồng, đánh bắt cá, xay lúa, giã gạo… Chất lượng của những màn biểu diễn rối nước được khách du lịch trong và ngoài nước đánh giá cảm nhận trong quyển sổ lưu bút của phường. Mỗi chương trìn biểu diễn cho khách du lịch thường kéo dài 30 phút, trước khi biểu diễn phường rối sẽ phát cho mỗi người một tờ giấy từ 12-14 tích trò được biểu diên cho khách để họ dễ nắm bắt.

2.4.2. Khó khăn – hạn chế

Nghệ nhân

Do điều kiện kinh tế có hạn nên nguồn nhân lực phục vụ cho phường rối còn hạn chế. Mọi công việc đều do các thành viên trong phường đảm nhiệm. Từ những công việc sửa chữa các con rối bị hỏng, chế tạo ra những con rối mới,

công việc tiếp khách du lịch đến các công việc chuẩn bị cho các chương trình biểu diễn.

Hầu hết ở phường rối Nhân Mục vẫn là các nghệ nhân đạo cội. Đội ngũ nghệ nhân còn ít, lớp nghệ nhân trẻ số lượng hạn chế, sự yêu thích, đam mê với nghệ thuật múa rối nước chưa có. Đây là vấn đề đáng lo ngại cho việc bảo tồn, phát huy ngệ thuật múa rối nước của làng.

Chất lượng biểu diễn:

Mặc dù đã có kịch bản phong phú với 38 tích trò trong đó có 14 tích trò cổ truyền nhưng Phường rối nước Nhân Mục vẫn chưa có nhiều tiết mục mới, vẫn phụ thuộc vào những tích trò cổ. Việc gắn kết giữa phát triển du lịch với nghệ thuật múa rối nước còn rời rạc chưa hiệu quả, vẫn còn thiếu các dịch vụ phụ vụ du khách. Vì vậy khách du lịch mới chỉ dừng lại ở việc xem biểu diễn múa rối chứ chưa được trải nghiệm như tự làm các con rối hay hòa mình vào cuộc sống của người dân địa phương.

Công tác bảo tồn chưa được quan tâm đúng mức

Phường rối nước được sử dụng một nhà bảo tồn do xã Nhân Mục xây dựng nhằm trưng bày giới thiệu các hoạt động, bằng khen và các con rối cũ được sử dụng biểu diễn trước kia. Nhà bảo tồn là một nhà cấp 4 nhỏ, hẹp không đảm bảo được việc lưu giữ các hiện vật, các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động biểu dễn rối nước và các con rối cũ một số được để trong tủ kính còn lại không có nơi lưu giữ.

Hoạt động quảng bá du lịch của địa phương gắn với nghệ thuật múa rối nước còn chưa được quan tâm.

Múa rối nước là một nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn du khách mà không bị vướng rào cản ngôn ngữ mặc dù vậy nhưng nghệ thuật múa rối nước làng Nhân Mục vẫn hạn chế trong việc quảng bá, thu hút khách du lịch. Sở VHTT & DL Hải Phòng, chính quyền địa phương, UBND huyện, thành phố cũng như các công ty lữ hành chưa chú trọng đến việc quảng bá du lịch tại các địa phương tại phường rối. Chính vì vậy lượng khách biết đến các phường rối cũng như nghệ thuật múa rối của phường rối làng Nhân Mục còn thấp.

Nguồn nhân lực phục vụ phục vụ du lịch

Đội ngũ nhân viên phục vụ trong hoạt động du lịch tại phường rối đặc biệt là dịch vụ lưu trú, ăn uống tác phong chậm, tính chuyên nghiệp chưa cao. Và đặc biệt tại các nhà nghỉ các nhà nghỉ, của hàng ăn còn đẩy giá lên cao, chặt chém khách du lịch nhất là khách quốc tế ảnh hưởng đến con hình ảnh người Nhân Mục và rộng hơn là người Việt trong mắt du khách.

Cùng với đó là nguồn hướng dẫn viên, thuyết minh viên am hiểu về nghệ thuật múa rối nước để giới thiệu cho du khách không có.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ biểu diễn và du lịch còn thiếu, chưa đồng bộ.

Phường rối Nhân Mục tổ chức biểu diễn tại thủy đình nằm trong khuôn viên đình Nhân Mục xã Nhân Mục. Tuy nhiên thủy đình của phường chỉ nằm trong một cái ao tù hình chữ nhật khá nhỏ, chật hẹp bên ngoài là đường làng không tạo ra được không gian biểu diễn hấp dẫn cho du khách. Thêm vào đó thủy đình xây dựng đã khá lâu những thiết bị phục vụ cho biểu diễn dưới nước xuống cấp,hệ thống loa, ánh sáng còn hạn chế làm giảm sự hấp dẫn cuarbuooir biểu diễn. Tại khu vực biểu diễn rối nước chưa có nhà xem biểu diễn chỉ có ghế ngồi chính vì vậy đã giảm sự hấp dẫn, độc đáo.

Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định khu du lịch, điểm du lịch đó có thể trở thành một điểm đến hấp dẫn hay không? Xã Nhân Mục nằm trên quốc lộ 37 là điểm trung chuyển giữa thành phố Hải Phòng và Thái Bình. Đường giao đông tương đối thuận lợi nhưng có một số tuyến đường chưa nâng cấp, cải tạo gây khó khăn trong việc đi lại. Đường vào phường rối nước Nhân Mục đã được " nhựa hóa" toàn bộ, các loại xe du lịch vừa và nhỏ có thể đưa khách du lịch đến nơi biểu diễn rối nước nhưng xe 45 chỗ không thể vào do đường quá nhỏ, dân cư đông. Vì vậy khách du lịch phải đi bộ khoảng 500m mới vào đến phướng múa rối xem biểu diễn gây mệt mỏi, khó chịu cho nhiều du khách. Về bãi đỗ xe thì hiện nay phường rối chỉ có khu vực gửi xe máy và xe đạp còn khu vực để xe ô tô chưa được xây dựng nên phải đỗ xe ngoài đường gây

trở ngại cho các phương tiện tham gia giao thông khác. Thêm vào đó người dân họp chợ ngay trước cổng làng Đình Nhân Mục nơi diễn ra hoạt động biểu diễn múa rối nước gây cản trở giao thông, làm mất mỹ quan, gây phản cảm cho khách du lịch.

Hiện tại xã Nhân Mục có bưu điện để phục vụ cho việc trao đổi thông tin trong xã,huyện, thành phố. Nhưng khách du lịch quốc tế đến xem biểu diễn rối nước họ có nhu cầu liên lạc trong nước và quốc tế thì bưu điện xã không đáp ứng được nhu cầu của du khách, gây khó khăn trong việc trao đổi thông tin của khách. Hiện nay xã Nhân Mục có trạm y tế xã phục vụ khám chữa bệnh cho người dân nhưng với khách quốc tế điều kiện, trang thiết bị không đáp ứng được tiêu chuẩn vì cũ, thiếu y tá, bác sĩ cần hỗ trợ máy móc thì phải chuyển lên bệnh viện tuyến trên.

2.5. Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 tác giả đã tập trung vào tìm hiểu về những nét đặc trưng trong nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhâ Mục, xã Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Bên cạnh đó tác giả còn có so sánh với nghệ thuật múa rối tại một số làng lân cận đển làm nổi bật nét độc đáo, sự khác biệt trong nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục. Đồng thời, tác giả đã chỉ ra những thuận lợi tích cực và những khó khăn, hạn chế trong việc bảo tồn, khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục đối với việc phát triển du lịch để làm cơ sở đề xuất các giải pháp trong chương 3.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC NGHỆ THUẬT MÚA RỐI NƯỚC TẠI LÀNG NHÂN MỤC, XÃ NHÂN HÒA, HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Định hướng công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước ở Việt Nam

3.1.1. Định hướng công tác bảo cho tồn nghệ thuật múa rối nước

Chúng ta có thể coi múa rối nước là một di sản đặc sắc sánh với các các bộ môn như tuồng, chèo và nhiều hình thức sân khấu truyền thống khác. Do đó múa rối nước được coi là bộ môn nghệ thuật biểu diễn truyền thống của dân tộc và phải được bảo tồn và phát huy một cách nghiêm túc. Đứng trước tình trạng phát triển manh mún, thiếu liên kết giữa các đơn vị, phường rối trên cả nước và sự báo động về nhân lực, đã đến lúc cần phải nghiêm túc hoạch định lại các chính sách, biện pháp để tìm lại diện mạo và phát triển nghệ thuật múa rối lên những tầm cao mới, nhất là khi múa rối nước Việt Nam đang được xây dựng đề án trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa nhân loại. Điều này hoàn toàn có cơ sở để triển khai bởi múa rối có nhiều lợi thế để phát triển. Nghệ sĩ múa rối Ngô Quỳnh Giao nhận định: “Sân khấu rối dù nhiều hay ít diễn viên vẫn có thể dàn dựng được tiết mục. Hơn nữa, đây là loại hình nghệ thuật có thể đi vào xã hội đương đại và có tương lai phát triển vì có thể diễn không nói, diễn bằng động tác cho nên không gặp khó khăn về bất đồng ngôn ngữ, đối tượng phục vụ lại đa dạng, nhất là múa rối nước đang được xem là đặc sản nghệ thuật, một sản phẩm du lịch mang về nguồn thu đáng kể. Múa rối không sợ thiếu "đất" để phát triển, vấn đề cốt yếu đặt ra là làm thế nào để nghệ thuật múa rối đi theo đúng định hướng phát triển chuyên nghiệp".

Theo NSND. Lê Tiến Thọ, chủ tịch Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có đề án về xây dựng chính sách, chế độ để các nghệ sĩ, nghệ nhân hoạt động bằng nghề và đã trình chính phủ phê duyệt, nhưng hiện tại, các phường rối và đơn vị múa rối chuyên nghiệp cũng như không

chuyên gặp không ít khó khăn, vẫn hoạt động theo kiểu mạnh ai nấy lo, thiếu liên kết, thiếu sự trao đổi, tổng kết kinh nghiệm. Điều này cho thấy, cần phải có quy hoạch bài bản để đầu tư cho nghệ thuật múa rối phát triển, có chế độ chính sách phù hợp cho các nghệ nhân, nghệ sĩ múa rối có thể sống bằng nghề, đồng thời tăng cường tổ chức các liên hoan nghệ thuật múa rối trong nước và quốc tế. Đổi lại, sự phát triển của xã hội cũng đòi hỏi các đơn vị múa rối phải tự đổi mới mình, tập trung đầu tư, dàn dựng các tiết mục, vở diễn có chất lượng. Tất nhiên, mọi sáng tạo đều phải xuất phát trên nguyên tắc kế thừa, phát huy những giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật múa rối truyền thống, sao cho những tác phẩm múa rối vừa có hơi thở nhịp sống đương đại và giàu giá trị nhân văn, vừa thấm đẫm bản sắc văn hóa dân tộc.

Dĩ nhiên không nhất thiết địa phương nào cũng rập khuôn như nhau một cách máy móc làm thui chột tính sáng tạo của bộ môn nghệ thuật độc đáo này. Trong tiến trình phát triển xã hội, khoa học kỹ thuật cũng đã đáp ứng nhu cầu thưởng thức của người xem ngày càng nhiều, càng cao, do đó bất kỳ nghệ thuật nào cũng phải cách tân, đổi mới múa rối nước cũng không nằm ngoài quy luật đó. Có lẽ vì thế mà gần đây nhà hát múa rối trung ương liên tục cho ra những vở diễn thử nghiệm múa rối nước kết hợp với con người, múa rối nước kết hợp với nghệ thuật sắp đặt rõ nhất là tiết mục "Hồn quê" (tác giả, đạo diễn Vương Duy Biên) được khán giả đánh giá là thành công. Cách tân, đổi mới sân khấu múa rối nước dân gian là cần thiết song không được làm biến dạng, làm mất bản sắc của bộ môn nghệ thuật độc đáo này, một nghệ thuật mà cả thế giới gọi là "độc nhất vô nhị". Nghệ thuật múa rối nước là nghệ thuật ở đồng quê do người nông dân miền lúa nước sáng tạo ra để làm vui cho cộng đồng nên nội dung và hình thức của nó đều gần gũi với người nông dân Việt Nam.

Nghệ thuật không ngừng hòa hợp theo quy trình phát triển. Bất cứ một bộ môn, một di sản nghệ thuật truyền thống nào tồn tại đến ngày nay, bao giờ cũng phải qua các khâu tìm tòi, cải tiến và điều chỉnh để nâng cao và đạt tới hiệu quả thẩm mỹ cao nhất. Đến lượt hậu sinh tiếp nhận các di sản ấy chúng ta lại vẫn tìm tòi, cải tiến, điều chỉnh và nâng cao để nghệ thuật thích nghi với thời đại, với

định hướng văn hóa của đất nước. Nguyên tắc đó đã trở thành nguyên lý xây dựng và phát triển nghệ thuật múa rối nước mà ta đang toàn tâm trong việc bảo tồn và phát huy. Múa rối nước không những là nghệ thuật mang tính tập thể cao mà còn thể hiện cái độc đáo trong cái độc đáo của bản sắc dân tộc. Nó là sản phẩm của văn hóa lúa nước vùng châu thổ. Phát huy nghệ thuật múa rối nước trong giai đoạn hiện nay là trực tiếp góp phần xây dựng nền văn hóa Việt đậm đà bản sắc dân tộc. Điều quan trọng là dù nâng cao hay cải tiến như thế nào cái đặc trưng của bộ môn nghệ thuật vẫn quyết định và chi phối mọi yếu tố. Cần hiểu rằng không phải nghệ thuật dân gian nào cũng là sản phẩm truyền thống, đã gọi là truyền thống phải tích tụ được tinh hoa, truyền từ đời nay sang đời khác, tinh hoa múa rối nước Việt Nam đã được sự ngưỡng mộ từ bạn bè thế giới. Múa rối nước được xem là là độc nhất vô nhị chúng ta lại càng không ngừng hoàn thiện theo quy luật văn hóa phát triển. Cũng do xuất hiện muộn trong nền văn hóa nghệ thuật đương đại, nên đến nay mọi khâu hoạt động của múa rối nước còn rất yếu và mềm mỏng cần sớm có những định hướng đúng mức để đưa rối nước gần gũi với khán giả.

3.1.2. Định hướng công tác khai thác nghệ thuật múa rối nước cho phát triển du lịch

Múa rối nước là một trong số những hình ảnh đại diện của văn hóa Việt Nam. Hình ảnh trực quan sinh động được hiện lên rõ nét, khán giả thấy bức tranh cuộc sống sinh hoạt tín ngưỡng hàng ngày của người dân Việt. Du lịch là một đại sứ văn hóa bắc cầu nối du khách đến với Việt Nam. Những địa danh đẹp và hấp dẫn, những món ăn ngon, tiêu biểu là cơ sở vật chất – kỹ thuật có tiêu chuẩn, chọn lọc, dịch vụ được trau chuốt và đặc biệt là những nét văn hóa độc đáo chỉ riêng có ở Việt Nam là những tiêu chí quyết định mang du khách đến với Việt Nam. Vì vậy múa rối nước là một trong số những yếu tố thúc đẩy nhu cầu du lịch. Căn cứ vào tính tất yếu của vệc khai thác nghệ thuật múa rối nước, những kinh nghiệm khai thác nghệ thuật truyền thống phục vụ phát triển du lịch chúng ta cần phải quan tâm đến:

Thứ nhất: Đưa các tiết mục biểu diễn múa rối nước vào các chương trình du lịch tại các địa phương của phường rối.

Múa rối nước là nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn người xem. Đây là một trong những điều kiện để đưa nghệ thuật múa rối nước vào chương trình du lịch, giới thiệu với du khách "đặc sản" văn hóa của Việt Nam, đồng thời có thể tổ chức để trực tiếp giao lưu cùng bạn bè bốn phương bằng chính những tiết mục biểu diễn múa rối nước. Chúng ta có thể khai thác nghệ thuật múa rối nước trong các chương trình du lịch tại địa phương kết hợp với loại hình du lịch homestay. Sau các dịch vụ có trong chương trình du lịch như ăn uống, ngủ nghỉ du khách sẽ đực trải nghiệm với cuộc sống của người dân nơi đây cũng như đươc học cách làm con rối. Bên cạnh đó các địa phương đảm bảo có các dịch vụ bổ sung sung để đáp ứng thêm nhu cầu giải trí cho du khách. Điều này làm cho du khách cảm thấy gói chương trình của mình thêm hấp dẫn, sinh động hơn. Chúng ta có thể thấy rằng, một nghệ thuật truyền thống lại được xem biểu diễn và cảm nhận tại chính những địa phương tạo ra nó thật mộc mạc, thú vị.

Thứ hai: Đưa nghệ thuật múa rối nước vào trong các lễ hội dân gian truyền thống.

Lễ hội là một đặc trưng văn hóa của Việt Nam, hàng năm chúng ta có rất nhiều các lễ hội truyền thống, thu hút đông đảo người dân ở mọi miền của tổ quốc về tham gia. Tuy nhiên, du khách đến những lễ hội đền như đền Hùng, đền Cô Chín – ông Hoàng Mười, đền Quả Sơn (Nghệ An), đền Trạng Trình (Hải Phòng)... chủ yếu là mang yếu tố tâm linh, đến thắp hương, cầu tài, cầu lộc đầu năm chứ chưa được gọi là chuyến du lịch văn hoá - tâm linh đúng nghĩa. Bởi du khách chưa có khoảng thời gian thư giãn, giải trí, các trò chơi dân gian chưa nhiều và hầu như không được tham gia. Bên cạnh đó, chưa có sản phẩm du lịch đặc trưng trong lễ hội để lại ấn tượng và thu hút du khách, chưa có một nét đặc trưng của du lịch thấp thoáng dưới mái đình, sân chùa... Chính vì vậy việc đưa nghệ thuật múa rối là cần thiết, qua đó giới thiệu một nghệ thuât độc đáo không những của địa phương mà của Việt Nam đến khán giả trong và ngoài nước.

Thứ ba: Tổ chức chương trình du lịch chuyên đề về dmúa rối nước

Hình thức khai thác này chỉ nên áp dụng với những du khách thực sự am hiểu và yêu thích nghệ thuật múa rối nước. Đó là các nhà khoa học, nhà ngiên cứu, các nghệ muồn sưu tầm các tài liệu có liên quan đến nghệ thuật này. Bên cạnh đó, những ngày hội mừng công (người đạt danh hiệu) thì Sở Văn hoá Thể thao & Du lịch tổ chức hội vvinh danh cho họ, trong ngày hội đó có các chương trình biểu diễn múa rối nước. Tuy nhiên, tất cả những định hướng khai thác trên thì những người đứng ra tổ chức và người làm nghệ thuật phải làm sao luôn giữ được giá trị truyền thống vốn có của nghệ thuật này, vừa có thể bảo tồn, phát huy múa rối nước vừa có thể làm cho du lịch Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng có thêm sản phẩm mới, níu giữ dài ngày lưu trú hơn, tăng doanh thu, không những khách nội địa sẽ đến mà còn cả khách quốc tế sẽ quay lại Việt Nam.

Việc khai thác nghệ thuật múa rối nước thành một sản phẩm mới cho du lịch Việt Nam sẽ là một bước đi đúng đắn khi mà sản phẩm du lịch của các địa phương còn nghèo nàn, chưa có sản phẩm đặc trưng và phục vụ được nhu cầu giải trí của du khách, kéo dài ngày lưu trú thì dân ca ví, giặm có thể trở thành một món ăn tinh thần khi khách đến với các địa phương. Việc phát hiện ra một tiềm năng là rất cần thiết nhưng khai thác làm sao để nó trở thành một sản phẩm du lịch đặc sắc thì còn là một chặng đường dài. Điều đó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Đó là công việc của các nhà nghiên cứu, của các nhà đầu tư, của Nhà nước, của sở, của các nhà làm du lịch, của người dân địa phương và một phần nào đó của khách du lịch. Những giải pháp, chiến lược và hướng đi cụ thể cho nghệ thuật múa rối nước vì thế luôn được đặt ra cấp thiết hơn lúc nào hết. Những định hướng trên chỉ mới nghiên cứu nghệ thuật múa rối nước ở dạng sơ khởi, khơi gợi tiềm năng của ví, giặm mong góp một ý kiến cho các nhà quản lý và doanh nghiệp du lịch ở tỉnh, địa phuong quan tâm hơn nữa đến nghệ thuật múa rối độc đáo này.

3.2. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục cho phát triển du lịch

3.2.1. Chính sách quan tâm, đãi ngộ đối với nghệ nhân

Nghệ nhân là linh hồn của nghệ thuật múa rối nước là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp cho công tác bảo tồn nghệ thuật truyền thống này để từ đó có thể khai thác cho du lịch. Họ là những nghệ sĩ, diễn viên chuyên và không chuyên, các nghệ nhân đã và đang tiếp nối nghề truyền thống, trực tiếp giữ gìn, bảo tồn và lưu truyền các giá trị văn hóa nghệ thuật dân gian truyền thống cho thế hệ sau. Họ là những người dân chân lấm tay bùn bước vào làm nghệ thuật, nguồn thu nhập chính của họ thấp chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp. Trong khi đó phường rối dân gian lo kinh phí đi lại, ăn ở cho các nghệ nhân khi biểu diễn nơi xa để những nghệ nhân có thể ổn định cuộc sống, chuyên tâm dồn hết năng lực vào nghề mà họ đã gắn bó. Vì vậy, họ cần được ưu đãi: tiền lương, trợ cấp hàng tháng…

Ngoài ra, Sở VHTT &DL thành phố, UBND huyện, các phường rối hoặc các địa phương có thể tổ chức những buổi giao lưu để học hỏi kinh nghiệm hay những cuộc thi múa rối nước và để chính những khán giả xem bình chọn con rối đẹp nhất, biểu diễn thu hút nhất. Hay các phường rối tham gia vào liên hoan máu muâ rối toàn quốc, các cuộc thi mang tầm cỡ quốc gia, những sự kiện lớn. Qua đó tôn vinh những nghệ nhân đã làm và đã biểu diễn tiết mục đó để khích lệ tinh thần, tâm huyết của nghệ nhân cho việc khôi phục và phát triển những giá trị quý báu của di sản. Đồng thời quảng bá nghẹ thuật múa rối nước cho khán giả trong và ngoài nước.

3.2.2. Chú trọng công tác truyền dạy nghệ thuật múa rối nước

Từ trước tới nay, việc đào tạo trong lĩnh vực nghệ thuật sân khấu múa rối nói chung tồn tại hai hình thức:

- Đào tạo theo lối truyền nghề đó là cách đào tạo truyền thống: Tất cả các phường rối cạn cũng như rối nước tồn tại như một hình thức văn nghệ dân gian. Nó có nhiều ưu điểm là người học nghề có khả năng bắt chước nhanh, thuần thục những gì được học, nhưng khả năng tư duy, sáng tạo độc lập lại hạn chế,

bởi chỉ được truyền những kinh nghiệm và thủ thuật diễn một cách máy móc và dập khuôn.

- Hình thức đào tạo theo trường lớp, học theo khung chương trình, có giáo án, giáo trình, ngoài môn chuyên ngành còn phải học nhiều môn kiến thức cơ bản và liên ngành khác. Vì vậy, học viên khi tốt nghiệp có khả năng tư duy và sáng tạo độc lập theo ý đồ của đạo diễn cũng như của tập thể. Hình thức theo kiểu trường lớp này có tính khoa học nhưng thực chất không có hiệu quả bằng lối đào tạo truyền nghề như ở mô hình đào tạo truyền thống ở một số địa phương; cũng như tuồng, chèo phương pháp đào tạo tại chỗ, cha truyền con nối là có hiệu quả hơn.

Về phương pháp truyền dạy, các nghệ nhân sẽ tự mình dạy từ khâu tạo hình con rối, cách tạo khuôn mặt, cách sơn để vừa đẹp vừa giữ được lâu, kỹ thuật biểu diễn như thế nào để khán giả chỉ thấy rối đang múa chứ không thấy các nghệ nhân, các bài chèo… Với phương thức này người học có thể dành toàn bộ tâm lực để cảm nhận, nắm bắt trực tiếp mọi sắc thái tinh tế từ người thầy. Theo đó có thể học được phong cách của thầy.

Về các lớp đào tạo cần đào tạo một cách liên tục, tránh tình trạng đứt đoạn, các học viên phải có tính kiên trì, lòng say mê yêu thích nghề. Có những chính sách ưu đãi với những tài năng tẻ để kịp thời đào tạo đội ngũ nghệ nhân kế cận. Nhà trường khuyến khích, hỗ trợ các học viên bằng những suất học bổng phần nào tăng thêm động lực cho học viên có hứng thú hơn, say mê hơn trong quá trình học tập. Ngoài ra việc đào tạo phải luôn đi đôi với chất lượng, không thể đào tạo ồ ạt, nhanh chóng, một sớm một chiều được, cần có thời gian và quá trình học tập, rèn luyện.

3.2.3. Hình thành tổ chức hội chuyên ngành múa rối nước

Để thực hiện tốt công tác bảo tồn cần hình thành tổ chức hội chuyên ngành múa rối nước, vì lâu nay ta chỉ mới có hội sân khấu - hội nghề nghiệp chung của nhiều bộ môn sân khấu kết hợp lại. Đây là một hội chuyên ngành - hội nghề nghiệp những người hoạt động múa rối nước, là chỗ dựa tinh thần để

họ hành nghề trong sự thống nhất và có điều kiện phát triển khả năng và truyền dạy kinh nghiệm cho thế hệ sau.

Một ví dụ điển hình cho việc nên thành lập hội chuyên ngành múa rối nước đó là ở Nhật Bản, nghệ thuật múa rối (Bunraku) đã tồn tại 6, 7 trăm năm mà vẫn còn giữ được nguyên xi như thời mới ra đời. Vì Bunraku không phát triển tràn lan như múa rối nước ở Việt Nam ta, mà biết tập trung vào một số địa phương tiêu biểu và được nhà nước và các tổ chức xã hội chăm lo bảo tồn như báu vật quốc gia. Ở những nơi đó đều có sân khấu riêng của Bunraku với lịch biểu diễn định kỳ. Mỗi lần biểu diễn được ban quản lý hiệp hội tổ chức hết sức chu đáo, từ việc tuyên truyền, tổ chức sân khấu đến việc biểu diễn, bán vé thu tiền và cuối cùng là trả lương cho nghệ sĩ. Đặc biệt nghệ sĩ múa rối Bunraku không sống tập trung trong một đoàn, một đội, mà sống tự do, khi cần biểu diễn, ban quản trị của hiệp hội thông báo tập hợp lại và có thể biểu diễn ngay không phải qua tập luyện vì họ đã quá thuần thục. Nếu ai không đảm bảo kỷ luật và kỹ thuật biểu diễn sẽ bị loại ra khỏi hiệp hội, ngược lại, những người giỏi nghề và hoạt động theo tổ chức thì lương được duy trì lâu dài. Các hình thức sân khấu truyền thống ở Nhật hoạt động hoàn toàn theo xã hội hóa, mỗi loại hình đều có hiệp hội riêng để chịu trách nhiệm về ngành nghề của mình. Nhờ có hiệp hội, các loại hình nghệ thuật truyền thống luôn luôn được đề cao, người nghệ sĩ được tôn trọng và mức sống của họ khá cao. Vì thế mà không ai bỏ nghề, hoặc làm nghề có tính chất tay trái như tình trạng múa rối nước dân gian ở Việt Nam: chỉ biểu diễn xuân thu nhị kỳ, còn lại là làm nghề khác, nên vẫn mang tính nghiệp dư hơn là chuyên nghiệp.

Vì vậy thành lập hội múa rối nước là một giải pháp tích cực đối với quá trình phục hồi và phát triển múa rối nước hiện nay ở phường rối Nhân Mục. Khi đã có hội, riêng hoạt động của múa rối nước dân gian sẽ không bị phân tán, không rơi vào tình trạng bị cô lập, mà ngược lại mọi việc được tập trung hơn, đời sống của nghệ nhân càng được đảm bảo. Đời sống nghệ nhân được ổn định thì nghệ thuật nhất định sẽ được nâng cao. Hội sẽ là điểm tựa cho phường rối về định hướng bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa rối đặc sắc.

3.2.4. Xây dựng những tiết mục biểu diễn hoàn toàn mới

Cùng với việc khai thác, phục hồi và biểu diễn những tích trò cổ, múa rối nước của phường rối Nhân Mục cũng cần đẩy mạnh quá trình xây dựng những tiết mục biểu diễn hoàn toàn mới. Hai quá trình này nên tiến hành song song, đồng thời. Kinh nghiệm rút ra từ lịch sử nghệ thuật trong nước cũng như trên thế giới đã cho thấy rằng, sức sống của một bộ môn nghệ thuật không chỉ thu lại ở phương diện bảo tồn và tiếp thu tinh hoa của quá khứ mà còn thể hiện ở phương diện phát huy và phát triển loại hình nghệ thuật đó trong thời đại mới. Nếu chỉ khoanh việc biểu diễn múa rối nước trong 16 trò quen thuộc thì đến một lúc nào đó sẽ trở nên nhàm chán cho người xem và cả cho người tổ chức. Và như thế, vô tình làm xơ cứng, nghèo nàn một di sản nghệ thuật truyền thống đặc sắc. Làm mới nghệ thuật múa rối nước đòi hỏi một tinh thần sáng tạo nghiêm túc và kiên trì. Mới nhưng vẫn mang đặc trưng nghệ thuật múa rối nước và phong cách dân gian truyền thống.

Qua khảo sát cho thấy các tích trò của phường rối nước Nhân Mục vẫn là các lích trò cũ như: múa tứ linh, múa tiên, đánh cáo bắt vịt, nhi đồng hý thủy, hát trống cơm…khó hấp dẫn được người xem. Hiện nay nhà hát múa rối nước Trung ương đã mạnh dạn, cải biên một số tiết mục rối nước, dàn dựng không gian mở, phong cách diễn đạt phong phú như: Đức Thánh Trần, Truyện cổ Andecxen, những giấc mơ bí ẩn của Tễu và Kangaroo… đã gây bất ngờ thú vị cho khán giả đặc biệt là khán giả nhí. Vì vậy phường múa rối nước Nhân Mục nên dựa vào những tích trò cũ tạo ra nhiều tích trò mới làm phong phú thêm cương trình biểu diễn. Khách du lịch quốc tế thích nhất là những vở gắn với thiên nhiên và lao động sản xuất như: tăng gia nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, cày cấy. Những vở diễn bắt chước hoặc diễn tả lại những hành động và hoạt động của nhân dân lao động mang tính đặc trưng Việt Nam thu hút họ hơn những vở mang tích xưa.

Bên cạnh đó việc phục hồi được những trò diễn độc đáo do các nghệ nhân nhiều thế hệ đã sáng tạo ra trước đó cũng cần được quan tâm. Với múa rối nước, hoàn cảnh và môi trường có khác với tuồng, chèo, bởi múa rối nước chỉ tồn tại ở

làng quê với những ao hồ, lại phân tán trên một diện rộng gần khắp miền Bắc. Do đó, việc tập trung lại để khai thác vốn cổ có phần khó khăn hơn. Cho đến thời điểm này, số nghệ nhân múa rối dân gian thực thụ còn lại rất ít. Bên cạnh đó, nghệ nhân lại tuổi cao, sức yếu, bỏ nghề đã quá lâu, nên vốn truyền thống được bảo lưu trong họ mỏng manh, vừa tản mạn và dễ tam sao thất bản. Tuy vậy, nếu có quyết tâm và có sự đầu tư đúng mức của nhà nước có kế hoạch khai thác vốn truyền thống chặt chẽ, chúng ta vẫn có thể làm được, nhưng phải xúc tiến nhanh, nếu không thì sẽ quá muộn.

3.2.5. Công tác xúc tiến quảng bá về muá rối nước

Tuy múa rối nước là nghệ thuật truyền thống dân tộc nhưng không phải người Việt nào cũng biết tới múa rối nước, đam mê rối nước và biết đến các tích trò. Vì vậy quảng bá nghệ thuật múa rối nước dưới mọi hình thức là điều cần thiết nên làm của phường rối Nhân Mục để đưa nghệ thuật này đến gần hơn với công chúng, đặc biệt là người dân và các em thiếu nhi. Trước hết, phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá, treo biển quảng cáo, pano, áp phích ở các tuyến đường giao thông ở xã, huyện. Giới thiệu các chương trình du lịch mới trong đó có múa rối nước, đồng thời tuyên truyền múa rối như tặng quà lưu niệm cho khách, tiếp thị ở các công ty du lịch, mời họ đến xem chương trình biểu diễn. Ngoài ra cần mở rộng sàn diễn với nhiều tiết mục múa rối đặc sắc, bất ngờ.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các đoàn nghệ thuật, tích cực tham gia các chương trình liên hoan nghệ thuật dân gian trong khu vực và thế giới để giới thiệu với bạn bè trong và ngoài nước loại hình nghệ thuật độc đáo này.

Tháng 5 vừa qua đoàn nghệ thuật Hải Phòng đã có tiết mục biểu diễn rối nước vô cùng đặc sắc và thú vị nhân sự kiện Lễ hội hoa phượng đỏ Hải Phòng được tổ chức mỗi năm một lần. Thông qua sự kiện này phần nào quảng bá nghệ thuật múa rối nước không chỉ người dân địa phương trong nước mà còn khách du lịch quốc tế biết đến.

Bên cạnh đó việc tạo ra những sản phẩm lưu niệm đặc trưng vô cùng cần thiết. Sản phẩm lưu niệm tại phường rối Nhân Mục hầu như không có nếu có chỉ là những hàng bán bên đường nhưng không thể làm quà lưu niệm. Để tạo ra các sản phẩm lưu niệm đặc trưng của múa rối nước Nhân Mục thì các nhà kinh doanh phải biết sử dụng những nguyên liệu sẵn có mang dấu ấn của địa phương, phường rối có thể làm các con rối với kích thước nhỏ để trưng bày và bán cho khách du lịch. Bên cạnh đó có thể tặng những con rối cũ cho khách du lịch tạo ấn tượng tốt đẹp trong tâm trí du khách.

3.2.6. Lồng ghép các buổi biểu diễn múa rối nước trong các chương trình du lịch

Để trở thành một sản phẩm phục vụ du lịch, múa rối nước cần được quan tâm, đầu tư hơn nữa. Theo ông Nguyễn Duy Biên – cục trưởng cục nghệ thuật biểu diễn "không nên quá dàn trải, mà trước mắt nên xây dựng một số chương trình nghệ thuật điểm với những tiết mục thực sự hấp dẫn, tiêu biểu cho nghệ thuật truyền thống dân tộc để lồng ghép vào". Nghĩa là, phải chọn lọc những gì mà du khách cảm thấy dễ hiểu, dễ đồng cảm và yêu thích. Đối với khách quốc tế múa rối nước ở Việt Nam rất độc đáo mà lại không bị vướng vào rào cản ngôn ngữ. Múa rối nước có khả năng trực quan sinh động, du khách có thể hiểu gần như trọn vẹn nội dung, sắc thái của vở diễn rối nước. Như vậy có thể coi là không có rào cản ngôn ngữ. Đây được xem như lợi thế nổi bật của nghệ thuật múa rối nước so với các nghệ thuật khác trong việc thu hút du khách quốc tế với Việt Nam, tạo dấu ấn quảng bá thương hiệu du lịch nước nhà.

Với các chương trình du lịch tại địa phương có thể kết hợp với loại hình du lịch homestay. Ngoài việc du khách đến tham quan, thưởng thức nghệ thuật múa rối nước họ có thể ở lại tại địa phương để cùng sống và cảm nhận cuộc sống đồng quê yên bình tại vùng nông thôn của thành phố. Chính những người nghệ nhân của phường rối sẽ dạy họ cách làm con rối (từ khâu tạo hình đến sơn hòan thiện), dạy họ cách biểu diễn rối nước như thế nào, dạy những câu hát chèo trong các tiết mục biểu diễn. Chắc chắn sẽ thu hút du khách – những người luôn

mong muốn đi du lịch là được vui chơi, giải trí, học hỏi và sẽ có những trải ngiệm thú vị.

Ví dụ các tour du lịch như: Đình Nhân Mục – miếu Bảo Hà – đình Từ Lâm –múa rối Nhân Mục; Miếu Bảo Hà – múa rối Nhân Mục – đình Từ Lâm – đình Núi; Tạc tượng Bảo Hà – múa rối nước Nhân Mục

Sự hợp tác, liên kết giữa các cơ quan chức năng trong việc phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các sản phẩm du lịch đạt hiệu quả cao hơn, trong đó đặc biệt chú trọng đến sự liên kết của các địa phương với tài nguyên du lịch với công ty lữ hành trong việc xây dựng các tour du lịch với nghệ thuật múa rối nước. Một số giải pháp phát triển múa rối nước trong kinh doanh lữ hành:

Các công ty lữu hành và phường rối cùng phối hợp để chọn lọc các tiết mục đặc sắc tạo sản phẩm du lịch hấp dẫn.

Phường rối tự xây dựng riêng chương trình hoặc những tiết mục đặc trưng để phục vụ đối tượng khách chứ không phải chỉ tuân theo lịch diễn nhất định. Đặc biệt hơn, phường rối lựa chon tiết mục đặc sắc và dịch nội dung thành nhiều thứ tiếng để có thể thuyết minh hoặc phát tờ roi cho khách nước ngoài.

Các doanh nghiệp lữ hành cần phải đưa các chương trình nghệ thuật truyền thống vào các chương trình phục vụ các tour du lịch trong và ngoài nước. Thành lập ban tổ chức gồm các nhà quản lý, nghệ nhân trong làng và người làm du lịch để cùng lên kế hoạch, triển khai các chương trình mang tầm cỡ quốc gia với mục tiêu giới thiệu tiềm năng du lịch làng Nhân Mục nói riêng và của nước nhà nói chung để hấp dẫn khách tham quan.

3.2.7. Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ biểu diễn và CSHT, CSVCKT cho phát triển du lịch

Hiện nay, các phường rối Nhân Mục đã có điểm để biểu diễn phục vụ khách nhưng khách du lịch ngồi xem biểu diễn ở bãi cỏ (khách du lịch quốc tế thì có ghế ngồi) và ao làng khá chật hẹp, nhà thủy đình xuống cấp. Thêm nữa, hệ thống các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động biểu diễn còn thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được nhu cầu: hệ thống chiếu sáng, hệ thống loa,… nên cần sự đầu tư hơn nữa tạo điều kiện cho các nghệ nhân phát huy hết khả năng biểu diễn

Để khai thác có hiệu quả một số công ty du lịch cùng với chính quyền địa phương cần đầu tư xây dựng, sửa chữa lại nhiều trục đường liên huyện, xã, thôn đến các điểm du lịch như: Đền thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đình Nhân Mục, miếu Bảo Hà...để thuận tiện cho việc đi lại của du khách.

Ngoài ra, Sở VHTT & DL thành phố, UBND huyện, UBND thành phố cần đầu tư cho phường rối về vốn, kinh phí khôi phục, giữ gìn hay thay thế rối cũ. Sự quan tâm của các ban ngành liên quan sẽ tạo sự hứng khởi cho những nghệ nhân đã gắn bó lâu đời với nghề rối. Ở phường rối cần xây dựng nơi tiếp khách khang trang nên theo kiến trúc cổ vì như vậy sẽ làm tăng thêm sức hấp dẫn, thu hút khi du khách muốn đến xem biểu diễn múa rối truyền thống.

Sở Văn hóa và Thể thao Du lịch, phòng Văn hóa Thể Thao, chính quyền địa phương cần khuyến khích đầu tư vốn, kinh phí xây dựng nhà hàng, CSVCKT phục vụ, các dịch vụ bổ sung vừa hoặc nhỏ để phục vụ nhu cầu cơ bản của du khách.

3.2.8. Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên phục vụ du lịch

Đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên có vai trò khá quan trọng với sự phát triển của du lịch. Ngành du lịch là ngành dịch vụ trực tiếp tiếp xúc với khách nên đòi hỏi lao động trình độ, nghiệp vụ, phong cách thái độ của đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên am hiểu nghệ thuật múa rối nước, văn hóa, phong tục của địa phương. Do vậy, phải tăng cường công tác đào tạo. Đối với nghệ thuật múa rối nước hướng dẫn viên, thuyết minh viên cần am hiểu về cuộc sống của người dân địa phương, cách làm các con rối, cách biểu diễn… để truyền đạt lại cho khách du lịch một cách chính xác. Vì vậy cần có chương trình hoặc mở các lớp đào tạo cho cho những người được coi là cầu nối giữa du khách và người dân địa phương, cũng như các tổ chức, đơn vị trong không gian văn hóa.

Ngoài ra, chính những nghệ nhân của phường rối có thể trở thành những hướng dẫn viên tốt nhất, họ am hiểu tất cả từ những phong tục, cuộc sống của người dân đến cách làm con rối, biểu diễn múa rối… Sẽ thật xuất sắc nếu họ

được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn. Đây là nguồn nhân lực tiềm năng cần hướng tới để đào tạo phục vụ cho du lịch.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Đối với Sở VH TT & DL Hải Phòng

Dựa trên quy hoạch du lịch Hải Phòng, Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch Hải Phòng cần có những biện pháp cụ thể để thúc đẩy sự phát triển của du lịch Hải Phòng nói chung, Vĩnh Bảo nói riêng và ở đây tác giả đề cập đến loại hình nghệ thuật múa rối nước làng Nhân Mục, xã Nhân Mục, Vĩnh Bảo.

- Tổ chức nghiên cứu đánh giá về nguồn tài nguyên di sản văn hóa, xem xét các điếu kiện về hạ tầng, vật chất kĩ thuật để phục vụ cho du lịch.
- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh thành thạo về di sản văn hóa Hải Phòng nói chung và tại Vĩnh Bảo, làng Nhân Mục, Bảo Hà nói riêng, có khả năng tạo ra sự hấp dẫn, lôi cuốn khách tham quan du lịch.
- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ di sản văn hóa, ý thức bảo vệ tài sản của du khách, tạo điều kiện cho du lịch phát triển, tránh hiện tượng chèo kéo khách.
- Tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng, đưa vào sử dụng, phục vụ nhu cầu của nhân dân cũng như khách du lịch như: hệ thống đường giao thông, các cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn, các cơ sở vui chơi giải trí, các dịch vụ bổ sung.
- Hoàn chỉnh mạng lưới giao thông tới các di tích trong lịch trình; cắm biển chỉ dẫn giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của du khách.
- Xây dựng thêm những sản phẩm du lịch mới, có chất lượng , mang tính chất tiêu biểu, đặc trưng cho từng tuyến, từng cụm, từng điểm du lịch.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo nhân lực cho địa phương, từ đó tạo nên đội ngũ lao động du lịch có chất lượng.
- Xây dựng tour kết nối các điểm du lịch văn hóa trên địa bàn thành phố, phối hợp du lịch làng Nhân Mục-Bảo Hà, Vĩnh Bảo với du lịch tại các tỉnh thành lân cận như: Thái Bình, Nam Định…

Chương trình du khảo đồng quê

Bắt đầu cuộc hành trình, du khách đến với Kiến An có rừng Thiên Văn, có tượng bà mẹ Sông Hồng với bức phù điêu hoành tráng, Đài khí tượng Thủy văn, tiếp đến là An Lão một khu di tích lịch sử của thành phố. Cuộc hành trình trên quốc lộ 10 đưa du khách đến Vĩnh Bảo một vùng đất địa linh nhân kiệt với những ngôi làng cổ kính, một nền văn hóa đặc sắc truyền thống lâu đời, nơi sản sinh ra những bậc kỳ tài thiên hạ. Đó là thánh thuốc Nam Đào Công Chính, Tổ nghề tạc tượng Nguyễn Công Huệ, nhà văn hóa, nhà thơ, nhà giáo, nhà hiền triết, tài cao học rộng Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm...

Vĩnh Bảo nơi lưu giữ nhiều loại hình văn hóa, văn nghệ dân gian như múa rối nước, rối cạn, tứ linh, thả đèn trời, đốt pháo bông, nén pháo đất. Đến vùng đất này là đến với những làng nghề truyền thống như: tạc tượng, sơn mài Đồng Minh, làm con giống Nhân Hòa…

Tiên Lãng, địa danh nổi tiếng một thời trên bản đồ giao thương thế giới, nằm trên con đường tơ lụa, từng là một cảng thị sầm uất thời trung đại. Cũng như Vĩnh Bảo, Tiên Lãng có rất nhiều tiềm năng du lịch chưa được khai thác. Du khách có thể thư giãn sau một hành trình dài với các dịch vụ tắm nước khoáng nóng, tắm bùn, vật lý và vui chơi giải trí tại khu du lịch sinh thái Suối khoáng nóng Tiên Lãng trước khi về lại thành phố Hải Phòng.

Tour 1: (Vĩnh Bảo – Tiên Lãng 1 ngày)

7h30: Sau khi ăn sáng tại khách sạn xuất phát từ Hải Phòng về Vĩnh Bảo, sẽ đi qua các huyện Kiến An, An Lão, Tiên Lãng.

8h30: Du khách có mặt tại Vĩnh Bảo, sau đó du khách sẽ đi tham quan khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Du khách tiếp tục cuộc hành trình về xã Đồng Minh thăm làng nghề tạc tượng xã Đồng Minh - Miếu Bảo Hà để chiêm ngưỡng cũng như học cách làm con rối.

Sau đó tham quan đình Nhân Mục - xã Nhân Hoà cùng thưởng thức nghệ thuật múa tứ linh, múa rối nước – nghệ thuật độc đáo của Việt Nam.

12h: Ăn trưa tại thị trấn huyện Vĩnh Bảo

Buổi chiều Về khu du lịch sinh thái khoáng nóng Tiên Lãng Tham quan khu du lịch suối nước khoáng nóng Tiên Lãng, tắm nước khoáng nóng 16 giờ 30 phút Trở về Hải Phòng

Kết thúc chương trình.

3.3.2. Đối với Phòng VHTT & DL huyện và UBND xã Nhân Mục

Huyện Vĩnh Bảo là địa phương lưu giữ nhiều cảnh sắc làng quê Việt Nam. Cùng với đền thờ danh nhân văn hóa Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Miếu Bảo Hà, Đình Nhân Mục,… Vĩnh Bảo còn bảo tồn được nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo như: hát chèo, múa rối nước, rối cạn, nghệ thuật điêu khắc, sơn mài, tạc tượng. Đây là những tài nguyên vô giá mà ngành du lịch Vĩnh Bảo có thể khai thác. Tuy nhiên nhiều năm qua, du lịch vẫn chưa trở thành một thế mạnh của kinh tế địa phương, thực trạng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Chính vì vậy mà cần có biện pháp, mục tiêu cụ thể để đưa du lịch Vĩnh Bảo đi lên, trở thành ngành kinh tế du lịch, đóng góp vào sự phát triển chung của kinh tế địa phương.

Đối với phòng VH TT & DL huyện Vĩnh bảo

- Về vốn đầu tư: trong thời gian tới, huyện cần có các biện pháp nhằm kêu gọi đầu tư từ bên ngoài cũng như huy động các nguồn vốn bên trong nhằm xây dựng các cơ sở lưu trú cũng như ăn uống, các cơ sở vui chơi giải trí, cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng đủ và đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Đồng thời khuyến khích các kiều bào ở nước ngoài, các doanh nhân thành đạt trên địa bàn cùng chung tay góp sức, xây dựng các công trình chung và riêng, có thể phục vụ du khách đến thăm quan.
- Xây dựng tour: kết hợp làm du lịch cùng với Tiên Lãng, An Lão, Kiến An cũng như các di tích trong nội thành Hải Phòng trong việc kết nối các điểm du lịch thành một tuyến trong chương trình " du khảo đồng quê " và kết hợp múa rối nước làng Nhân Mục với: suối khoáng Tiên Lãng – Núi Voi – Khu di tích tưởng niệm Trạng Trình – phường rối Nhân Mục hoặc suối khoáng Tiên Lãng – Núi Voi – làng Bảo Hà– Đình Nhân Mục – , Đền Nghè – chùa Hàng – chùa Cao Linh – Khu di tích Núi Voi – đình Nhân Mục – làng Bảo Hà…

Xây dựng các cơ sở phục vụ nhu cầu tối thiểu là ăn uống, nghỉ ngơi giữa các điểm du lịch này. Đồng thời, Phòng VH TT & DL huyện Vĩnh Bảo cũng nên tự xây dựng cho mình các tour mang đặc trưng của riêng địa phương mình trên cơ sở các tài nguyên du lịch hiện có trên địa bàn. Ví dụ như: Đình Nhân Mục – miếu Bảo Hà – đình Từ Lâm –múa rối Nhân Mục; Miếu Bảo Hà – múa rối Nhân Mục – đình Từ Lâm – đình Núi; Tạc tượng Bảo Hà – HTX dệt chiếu Đồng Minh – múa rối nước Nhân Mục.

- Chiến lược quảng cáo, marketing du lịch: nên có kế hoạch kết hợp các địa phương với nhau, phối hợp cùng Sở VH TT & DL Hải Phòng tuyên truyền, quảng bá cụ thể, dài hơi cho du lịch của huyện Vĩnh Bảo, để đảm bảo phát triển du lịch một cách đồng bộ, bền vững.

Đối với UBND xã Nhân Mục nói riêng:

- Cần cải tạo hệ thống tuyến giao thông cho phù hợp, đồng thời mở rộng đường xá để thuận tiện cho việc đi lại, xây dựng bãi đỗ xe hợp lý tại nơi biểu diễn múa rối nước.
- Đầu tư kinh phí cải tạo sân khấu biểu diễn để có tiết mục thật hấp dẫn.
- Vấn đề nguồn nhân lực: cần được đào tạo, chuyên môn hóa từng bộ phận để đảm bảo yêu cầu chất lượng nội dung buổi biểu diễn.
- Có thể tổ chức địa điểm cho thuê xe đạp hoặc xe máy, tạo điều kiện cho du khách vừa có thể tham quan, chiêm ngưỡng cảnh làng quê, mà vẫn đảm bảo hành trình điểm đến trong chuyến đi của mình, tự do di chuyển.

3.4. Tiểu kết chương 3

So với các loại hình nghệ thuật truyền thống khác múa rối nước đang được khai thác và duy trì hoạt động thường xuyên và hiệu quả hơn. Mặc dù vậy múa rối nước vẫn chưa được khai thác đúng với tiềm năng của nó. Vì vậy trong chương 3 tác giả đã đề xuất một số giải pháp để bảo tồn nghệ thuật múa rối nước truyền thống, phục vụ cho du lịch.

KẾT LUẬN

Múa rối nước được hình thành từ lâu đời và phát triển cực thịnh vào thế kỷ XI – kỳ nguyên Đại Việt. Múa rối thu hút các tầng lớp, độ tuổi, thành phần khán giả. Có thể nói múa rối nước chỉ có ở Việt Nam và chứa đựng trong mình những giá trị tiềm ẩn đặc sắc. Đó là giá trị văn hóa – nghệ thuật, thẩm mỹ, kinh tế, lịch sử. Trong đó, giá trị văn hóa – nghệ thuật được thể hiện các yếu tố cấu thành và đặc trưng của nghệ thuật múa rối nước: con rối, kỹ thuật biểu diễn, kịch bản, ngôn từ, nghệ nhân múa rối, âm thanh giai điệu, sân khấu rối nước… tạo nên một nghệ thuật múa rối nước đầy truyền cảm. Chính vì khả năng tryền cảm lôi cuốn lòng người, rối nước hiện nay vẫn đang được duy trì cả ở sân khấu múa rối truyền thống và sân khấu múa rối chuyên nghiệp đều rất được lòng khán giả.

So với nghệ thuật dân gian truyền thống khác, múa rối nước có duyên nhiều với du lịch. Bởi múa rối nước vượt qua được rào cản ngôn ngữ đến với du khách. Để khai thác hơn nữa nghệ thuật này phục vụ phát triển du lịch, trong khóa luận tácgiả đã nghiên cứu về:

1) Tổng quan về nghệ thuật múa rối nước truyề thống, các hình thức sân khấu dân gian, lịch sử ra đời và đặc trưng của nghệ thuật múa rối nước.
2) Giới thiệu đôi nét về huyện Vĩnh Bảo, thực trạng công tác bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước tại làng Nhân Mục qua đó đánh giá những thuận lợi và khó khăn của phường rối cho phát triển du lịch.
3) Dựa vào thực trạng công tác bảo tồn và khai thác múa rối nước để đưa ra định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và khai thác nghệ thuật múa rối nước truyền thống cho phát triển du lịch tại làng Nhân Mục, xã Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

1. Lady Borton, Hữu Ngọc –Tìm hiểu văn hóa Việt Nam-Rối nước(Water puppets), thế giới Publishers.
2. Lý Khắc Cung (2006) – Nghệ thuật múa rối nước, NXB văn hóa thông tin.
3. Hoàng Kim Dung (1992) – Nghệ thuật múa rối và vấn đề giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em, Nhà xuất bản văn hóa dân tộc.
4. Nguyễn Huy Hồng (1996) – Rối nước Việt Nam, nhà xuất bản sân khấu.
5. Minh Quang – Kinh Dịch và nghệ thuật truyền thống, NXB chính trị quốc gia
6. Tô Sanh – Nghệ thuật múa rối nước (1976), NXB văn hóa – Hà Nội.
7. Nguyễn Thanh Vân sưu tầm, dịch (2002) – Những sự kiện sân khấu Việt Nam qua thư tịch cổ

Tài liệu internet

8. Chuyên đề Múa rối nước - nghệ thuật truyền thống độc đáo, http://vhttdlkv3.gov.vn/
9. Đôi điều suy nghĩ về Phát triển nghệ thuật múa Rối Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế,
10. Èo uột sản phẩm du lịch rối nước Nhân Hòa, Vĩnh Bảo, http://anhp.vn/
11. Nghệ thuật múa rối đội ngũ kế thừa, http://baothanhhoa.vn
12. Nghệ thuật múa rối nước Việt Nam: Lịch sử và hiện trạng, http://reds.vn/
13. Múa rối nước - một sáng tạo độc đáo của người Việt, http://hanoi.vietnamplus.vn/
14. Múa rối nước ở Nhân Hòa, http://vinhbaoclub.com/
15. Rối nước cổ truyền làng Nguyễn - di sản văn hoá độc đáo, http://www.thaibinh.gov.vn/

PHỤ LỤC

Danh sách những nghệ nhân của phường rối làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Phước	Phường trưởng
2	Nguyễn Văn Luận	Phường phó
3	Nguyễn Văn Tuấn	Phường phó
4	Trần Văn Tập	Thủ quỹ
5	Bùi Văn Thiệu	Nghệ nhân
6	Nguyễn Văn Vĩnh	Nghệ nhân
7	Nguyễn Văn Dũng	Nghệ nhân
8	Trần Thị Miền	Nghệ nhân
9	Phạm Thị Liễu	Nghệ nhân
10	Nguyễn Thị Xuyến	Nghệ nhân
11	Nguyễn Văn Hậu	Nghệ nhân
12	Đỗ Văn Kẽ	Nghệ nhân
13	Nguyễn Văn Thành	Nghệ nhân
14	Trần Đức Thịnh	Nghệ nhân
15	Nguyễn Văn Hoàn	Nghệ nhân
16	Lê Văn Đạt	Nghệ nhân
17	Hoàng Văn Khải	Nghệ nhân
18	Phạm Văn Cương	Nghệ nhân

MỘT SỐ HÌNH ẢNH

Múa rối dây của đoàn Hợp Dương, Trung quốc

Vẻ đẹp kì ảo của tiết mục rối bóng "Quái vật rác" của đoàn nghệ thuật Kukla Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ

Bunraku - nghệ thuật múa rối đặc sắc Nhật Bản

Múa rối nước Việt Nam

Nhân vật chú Tễu

Các nhân vật rối

Sân khấu múa rối ở phường rối nước Nhân Mục xưa và nay

Nghệ nhân phường rối làng Nhân Mục đang quét lớp sơn lên con rối

Tiết mục biểu diễn múa rối (10/3 âm lịch năm 2014)

Tiết mục Lê Lợi trả gươm

Đua thuyền

Hoạt động sản xuất nông nghiệp